

Bản án số: 237/2023/HS-PT
Ngày: 28-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**
Ông **Phạm Tồn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Ngày 28-6-2023, từ điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 140/2023/TLPT-HS ngày 30-3-2023 đối với bị cáo **Trần Minh T** và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 23-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Trần Minh T, sinh ngày 08-3-1966 tại Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 11, xã Hòa T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Cà phê V - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên); là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông: Trần Minh T (đã chết) và bà Đậu Thị L; vợ là Nguyễn Thị D và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 11-11-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Vũ Đức T1, sinh ngày 03-10-1982 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Phòng Kinh doanh Công ty V Nam Tây Nguyên; con ông Vũ Trung H và bà Hoàng Thị A; vợ là Trịnh Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11-11-2021; đến ngày 26-01-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại điểm cầu thành phần.

3. Trần Anh D, sinh ngày 12-01-1982 tại Nam Định; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên phụ trách Phòng Kế toán Công ty V Nam Tây Nguyên; con ông Trần Văn H và bà Doãn Thị K; vợ là Trần Thị Ngọc L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11-11-2021; đến ngày 25-02-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại điểm cầu thành phần.

4. Hoàng Công Đ, sinh ngày 02-8-1987 tại Đắk Lắk; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Nhân viên Kế toán Công ty V Nam Tây Nguyên; con ông Hoàng Công K và bà Nguyễn Thị Hồng T; vợ là Ngô Nguyễn Hà M; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11-11-2021; đến ngày 16-11-2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại điểm cầu thành phần.

5. Nguyễn Như L, sinh ngày 03-10-1971, tại Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 11, xã Hòa T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Thủ kho Công ty V Nam Tây Nguyên; con ông Nguyễn Như P (đã chết) và bà Hồ Thị N; vợ là Phan Thị Q và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại điểm cầu thành phần.

6. Phan Thị N, sinh ngày 01-8-1983, tại Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Thủ quỹ Công ty V Nam Tây Nguyên; con ông Phan Văn N (đã chết) và bà Trần Thị C; chồng là Nguyễn Văn C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11-11-2021; đến ngày 11-11-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Minh T và Phan Thị N:

1. Luật sư Lê Xuân Anh P - Công ty Luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Luật sư Nguyễn Ngọc Bảo C - Công ty Luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại điểm cầu thành phần.

3. Luật sư Trần Thị C - Công ty Luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đức T1:

Luật sư **Nguyễn T T** - Văn phòng Luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Anh D:

Luật sư **Nguyễn Đình H** - Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Công Đ:

Luật sư **Trần Trọng H** - Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Như L:

Luật sư **Võ Hữu D** - Công ty Luật TNHH MTV Đ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại điểm cầu thành phần.

Nguyên đơn dân sự:

1. Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Hồng T** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Vũ L** - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên); địa chỉ: Km13, Quốc lộ 27, xã EZ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Vũ L** - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk, vắng mặt.

(Vụ án có 09 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; có 06 người làm chứng, nhưng đều không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18-8-2009, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cà phê V (V) ban hành Quyết định số 204-1/QĐ-TCT thành lập Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên). Tổng Công ty Cà phê V (V) ban hành Quyết định số 204-2/QĐ-TCCB về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Trần Minh T giữ chức vụ Giám đốc V Nam Tây Nguyên kể từ ngày 01-9-2009. V Nam Tây Nguyên được Phòng Đăng ký kinh doanh, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100101509-011 ngày 17-01-2011 (trước đây là Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V tại Đắk Lắk, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 4016000089, đăng ký lần đầu ngày 16-9-2009), trụ sở V Nam Tây Nguyên tại xã Hòa T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nay chuyển đến Km13, Quốc lộ 27, xã EZ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. V Nam Tây Nguyên là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc V, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại Ngân hàng để giao dịch theo quy định của pháp luật. Quan hệ giữa V với đơn vị phụ thuộc được quy định tại Điều 41 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cà phê V ban hành kèm theo Quyết định số 475/QĐ-TTg ngày 31-3-2011 của Thủ tướng Chính phủ: “Đơn vị phụ thuộc là đơn vị không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản của đơn vị phụ thuộc

thuộc sở hữu của V và hạch toán kế toán tập trung tại V. Đơn vị phụ thuộc V được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của V quy định trong Điều lệ hoặc quy chế của đơn vị phụ thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt. V chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị phụ thuộc”.

Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cà phê V ban hành Quy định số 375/TCT-HĐTV/QĐ ngày 17-5-2011 về công tác quản lý tài chính và công tác kế toán đối với các đơn vị hạch toán phụ thuộc công ty mẹ thể hiện: “Các công ty kinh doanh trực thuộc Tổng Công ty Cà phê V thực hiện chế độ hạch toán phụ thuộc, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng Công ty về việc tuân thủ pháp luật và hiệu quả kinh doanh của đơn vị mình. Tất cả tài sản, vật tư, sản phẩm, hàng hóa, vốn bằng tiền hiện có của công ty không phân biệt nguồn hình thành (Tổng Công ty cấp, tự mua sắm, thuê mượn...) đều phải được phản ánh, theo dõi trong sổ sách kế toán và quản lý, sử dụng theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước và quy chế tài chính của Tổng Công ty. Công ty sử dụng mọi nguồn vốn và tài sản, vật tư hiện có để phục vụ kinh doanh theo kế hoạch của công ty đã được Tổng Công ty phê duyệt trên nguyên tắc phải bảo toàn và phát triển vốn và kinh doanh có hiệu quả. Tùy theo sự hình thành nguồn vốn công ty có nghĩa vụ sử dụng vốn đúng mục đích và thực hiện việc hoàn trả vốn theo quy định”.

Trong năm 2012 và năm 2013, việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước của Trần Minh T và các cá nhân có liên quan tại V Nam Tây Nguyên đã có vi phạm, gây thiệt hại tài sản như sau:

1. Trần Minh T chỉ đạo các cá nhân liên quan bán tài sản (cà phê, tiêu đen) của V Nam Tây Nguyên thu tiền mặt, không xuất hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) cho khách hàng; lập không chứng từ, nâng khống hàng tồn kho, nâng khống công nợ rồi hợp thức bằng cách lập khống hợp đồng mua bán hàng hoá, xuất hoá đơn GTGT cho Công ty TNHH Một thành viên H Đắc Lắc, hợp thức hóa việc chuyển tiền mua hàng qua tài khoản ngân hàng, xuất phiếu chi khống tiền mặt để hợp thức hóa quỹ tiền mặt, gây thiệt hại tổng số tiền là 3.009.974.053 đồng:

Tháng 02-2012, trong cuộc họp với cán bộ chủ chốt của V Nam Tây Nguyên gồm có Trần Minh T - Giám đốc, Phan Thanh L - Phó Giám đốc, Vũ Đức T1 - Trưởng phòng Phòng Kinh doanh, thì Trần Minh T đưa ra chủ trương thành lập Công ty TNHH Một thành viên H Đắc Lắc (Công ty H) và được sự đồng thuận. Theo chỉ đạo của Trần Minh T, ông Nguyễn Hữu P - Nhân viên Phòng Kinh doanh sử dụng giấy tờ cá nhân của Nguyễn Như L - Thủ kho của V Nam Tây Nguyên để đăng ký thành lập Công ty H Đắc Lắc do Nguyễn Như L đứng tên làm Giám đốc, bà Cao Thị H - Văn thư của V Nam Tây Nguyên làm Kế toán trưởng, lấy địa điểm kho của V Nam Tây Nguyên tại Km12, thôn 13, xã T, huyện C, tỉnh Đắc Lắc làm trụ sở, được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắc Lắc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001271557 ngày 23-02-2012; ngành, nghề kinh doanh chính: Buôn bán nông sản, phân bón, vận tải; vốn điều lệ: 5 tỷ đồng. Thực tế Công ty H không có hợp đồng thuê kho, không treo biển hiệu doanh nghiệp, không có vốn, tài sản, kho hàng; toàn bộ hóa đơn, chứng từ, sổ sách

kế toán của Công ty H đều do Trần Minh T chỉ đạo Phòng Kế toán của V Nam Tây Nguyên (trực tiếp là Trần Anh D- Phụ trách Phòng Kế toán và Hoàng Công Đ - Kế toán Ngân hàng kiêm kế toán thanh toán) thực hiện rồi đưa cho Nguyễn Như L và bà Cao Thị H ký để hợp thức hóa. Để thuận lợi cho việc chuyển tiền qua tài khoản, thanh toán các hợp đồng mua, bán khổng của Công ty H với V Nam Tây Nguyên và các doanh nghiệp khác, Trần Minh T chỉ đạo mở tài khoản của Công ty H tại 05 Ngân hàng để hợp thức hóa giao dịch chuyển tiền; chỉ đạo Phòng Kế toán của V Nam Tây Nguyên hợp thức cho Nguyễn Như L lập văn bản ủy quyền hoặc đăng ký cho các nhân viên của V Nam Tây Nguyên như Trần Anh D, Vũ Đức T1, Hoàng Công Đ - Kế toán, Phan Thị N - Thủ quỹ thực hiện các giao dịch qua các tài khoản Ngân hàng của Công ty H. Khi phát sinh các ủy nhiệm chi, lệnh chi, chứng từ giao dịch với Ngân hàng của Công ty H, Trần Anh D, Hoàng Công Đ trực tiếp lập rồi đưa cho Nguyễn Như L và bà Cao Thị H ký hợp thức hóa. Sau đó, theo chỉ đạo của Trần Minh T, Trần Anh D phân công Phan Thị N, Hoàng Công Đ trực tiếp ra Ngân hàng để thực hiện giao dịch rút và chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng của Công ty H.

Ngày 01-10-2012, sau khi nghe Trần Anh D báo cáo tình hình kinh doanh 09 tháng đầu năm 2012 của V Nam Tây Nguyên thua lỗ 16.291.713.512 đồng, Trần Minh T đã triệu tập cuộc họp các cán bộ chủ chốt gồm: Trần Minh T, Phan Thanh L, Vũ Đức T1, Trần Anh D, cùng thống nhất nội dung: *“Để thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013, các thành viên trong cuộc họp thống nhất báo cáo số lỗ 09 tháng đầu năm 2012 về Tổng Công ty là 6.026.222.112 đồng, số lỗ còn lại tạm treo là 10.432.748.620 đồng”*. Tuy nhiên, vì giấu lỗ, không báo cáo trung thực hoạt động kinh doanh, nên phương án kinh doanh của Trần Minh T chỉ đạo không phù hợp với hiện trạng tài chính, do đó V Nam Tây Nguyên tiếp tục thua lỗ. Đến ngày 25-12-2012, Trần Minh T tiếp tục tổ chức họp cán bộ chủ chốt gồm các thành phần như trên, thống nhất lập báo cáo tài chính về Tổng Công ty Cà phê V báo cáo số tiền thua lỗ trong kinh doanh của cả năm 2012 là 6.626.503.024 đồng, số lỗ còn lại 18.325.126.289 đồng thực hiện nghiệp vụ kế toán để giấu lỗ, không báo cáo trung thực. Trần Minh T giao cho Trần Anh D trực tiếp thực hiện các bút toán để che giấu số tiền thua lỗ. Trong đó, nhằm mục đích giấu lỗ tại báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm, tháng 10-2012, Trần Minh T chỉ đạo lập các hợp đồng mua, bán xuất bán khổng số lượng 480.000 kg cà phê Robusta nhân xô cho Công ty H. Theo sự chỉ đạo của Trần Minh T thì Vũ Đức T1 lập khổng bảng kê mua vào của các hộ dân số lượng 480.000kg Cà phê Robusta nhân xô, trị giá 12.330.137.787 đồng (trong đó lập bảng kê khổng mua của 48 hộ nông dân số lượng 323.913 kg, trị giá 12.329.981.700 đồng; còn 156.087 kg lập khổng khổng không có bảng kê, trị giá 156.087 đồng với đơn giá khổng “1 đồng/kg”). Trần Anh D lập khổng các Hợp đồng mua, bán số 09-MB/2012 ngày 04-10-2012, số 10-MB/2012 ngày 05-10-2012, số 11-MB/2012 ngày 07-10-2012, Hoàng Công Đ được phân công lập các phiếu xuất kho và lập 03 Hóa đơn GTGT số 0000416, 0000417 và 0000418 thể hiện V Nam Tây Nguyên bán số lượng 480.000 kg cà phê Robusta nhân xô cho Công ty H, tổng giá trị thành tiền 21.924.000.000 đồng, doanh số chưa thuế là 20.880.000.000 đồng, thuế GTGT là 1.044.000.000 đồng.

Để có nguồn tiền mặt hợp thức hóa việc Công ty H chuyển trả tiền mua 480.000 kg cà phê Robusta nhân xô của V Nam Tây Nguyên nêu trên, tháng 11-2012, Trần Minh T chỉ đạo bán 41.227,5 kg tiêu đen cho cơ sở kinh doanh Phạm Thị Như Linh, giao cho thủ quỹ Phan Thị N thu 5.300.000.000 đồng, nhưng không hạch toán lập phiếu thu nhập quỹ tiền mặt, không xuất hóa đơn GTGT (thuế GTGT 5% của giá trị hàng hoá 5.300.000.000 đồng là 265.000.000 đồng). Số lượng 41.227,5 kg tiêu đen bán cho cơ sở kinh doanh Phạm Thị Như Linh được T chỉ đạo hợp thức hóa thủ tục xuất kho bán cho Công ty H. Vũ Đức T1 được giao lập Hợp đồng mua, bán số 09-BTĐ/2012/NTN ngày 24-11-2012, giữa V Nam Tây Nguyên với Công ty H, Trần Anh D giao cho bà Châu Thị Minh N - Kế toán thuế lập hóa đơn GTGT số 0000436 ngày 26-11-2012 thể hiện: V Nam Tây Nguyên bán số lượng 41.227,5 kg tiêu đen cho Công ty H (theo Hợp đồng số 09-BTĐ/2012/NTN), giá trị chưa thuế 5.310.992.934 đồng, thuế GTGT 265.549.647 đồng, giá trị thanh toán 5.576.542.581 đồng.

Ngày 27-11-2012, sau khi thu 5.300.000.000 đồng từ bà Phạm Thị Như Linh, Trần Minh T đã chỉ đạo phòng Kế toán V Nam Tây Nguyên hợp thức việc Công ty H chuyển trả tiền mua 480.000 kg cà phê Robusta nhân xô (tổng giá trị thành tiền 21.924.000.000 đồng) và 41.22,7 kg tiêu đen (tổng giá trị thành tiền 5.576.542.581 đồng) cho V Nam Tây Nguyên theo các hóa đơn GTGT xuất không như trên. Trần Anh D phân công Phan Thị N mang theo số tiền mặt 5.300.000.000 đồng cùng các Lệnh chi của V Nam Tây Nguyên do T ký sẵn và Lệnh chi của Công ty H do Nguyễn Như L ký sẵn ở mục “Chủ tài khoản” đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk (Ngân hàng C) để hợp thức hóa việc Công ty H chuyển trả tiền mua hàng cho V Nam Tây Nguyên. Việc hợp thức hóa chuyển tiền này được thực hiện qua 04 lần rút tiền ra và nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty H và V Nam Tây Nguyên, đồng thời Châu Thị Minh N (thời điểm này vừa nghỉ sinh đi làm lại) được Trần Anh D phân công cùng phụ giúp Phan Thị N viết các chứng từ có liên quan đến Công ty H, cụ thể: Châu Thị Minh N viết Giấy nộp số tiền mặt số tiền 5.300.000.000 đồng nộp vào tài khoản số 102010001585346 của Công ty H. Sau đó, Châu Thị Minh N viết Lệnh chi do Nguyễn Như L ký sẵn, chuyển số tiền 5.300.000.000 đồng đến tài khoản số 102010000885777 của V Nam Tây Nguyên với nội dung: *Chuyển trả tiền mua hàng theo HĐKT 09-BTĐ/2012/NTN*. Phan Thị N viết ủy nhiệm chi do Trần Minh T ký sẵn, rút 5.300.000.000 đồng từ tài khoản của V Nam Tây Nguyên với nội dung: *Rút tiền từ tài khoản nhập quỹ tiền mặt*, nhưng thực tế dùng để nộp vào lại tài khoản của Công ty H để tiếp tục hợp thức chuyển trả tiền hàng cho V Nam Tây Nguyên. Với thủ đoạn này, trong ngày 27-11-2012, từ 5.300.000.000 đồng ban đầu đã hợp thức việc Công ty H chuyển khoản thanh toán tổng số tiền 26.410.993.000 đồng cho V Nam Tây Nguyên theo các Hợp đồng kinh tế số 09-MB/2012, số 10-MB/2012 và 11-MB/2012, còn nợ số tiền 1.089.549.581 đồng = (21.924.000.000 + 5.576.542.581 - 26.410.993.000). Tuy nhiên, thực tế V Nam Tây Nguyên và Công ty H không có hoạt động mua, bán hàng hóa, nên công nợ này không phát sinh. Số tiền thuế GTGT đầu ra 1.309.549.647 đồng = (1.044.000.000 + 265.549.647) theo các hóa đơn GTGT số 0000416, số 0000417, số 0000418 và số 0000436 xuất không cho

Công ty H đã được V Nam Tây Nguyên kê khai nộp thuế GTGT đầu ra tại Chi cục Thuế thành phố B, hạch toán treo công nợ cho Công ty H.

Để cân đối việc Phan Thị N thực hiện các lần rút tiền ra khỏi tài khoản của V Nam Tây Nguyên để hợp thức hóa việc chuyển tiền như trên, trong ngày 27-11-2021 V Nam Tây Nguyên thực hiện thủ tục nhập không quỹ tiền mặt số tiền 21.110.000.000 đồng tại Phiếu thu số PC12/171 với nội dung “*Rút TGNH Công Thương nhập quỹ*”. Để hợp thức hóa việc xuất quỹ, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D, Hoàng Công Đ và Phan Thị N lập không các Phiếu chi số PC12/439, số PC12/442 và số PC12/447 thể hiện chi không tổng số tiền là 12.330.000.000 đồng cho Vũ Đức T1 để chi trả tiền tạm ứng mua cà phê của 48 hộ dân lập không bảng kê mua 480.000kg cà phê Robusta nhân xô nhằm giấu lỗ tại báo cáo tài chính như trên. Đồng thời, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D, Hoàng Công Đ, Phan Thị N lập không 02 Phiếu chi số PC12/440, số PC12/441, với số tiền 8.777.954.233 đồng để trả tiền vay và tiền lãi theo các hợp đồng kinh tế huy động vốn vay của ông Nguyễn Trung C và ông Nguyễn Văn B (Trần Anh D khai số tiền vay của ông C và ông B đã được V Nam Tây Nguyên trả lại bằng hình thức dùng vào việc mua cà phê gửi kho trước đó nhưng chưa hạch toán giảm khoản nợ phải trả này).

Trong tháng 5, 6-2013, V Nam Tây Nguyên kê khai nộp thuế đối với 03 hóa đơn GTGT đầu ra số 0000541 ngày 04-6-2013, số 0000542 ngày 21-6-2013 và số 0000543 ngày 28-6-2013 thể hiện: V Nam Tây Nguyên xuất bán số lượng 800.000 kg cà phê Robusta nhân xô cho Công ty H theo các Hợp đồng gửi kho số 001/KG/2013-NTN ngày 06-5-2013, số 002/KG/2013-NTN ngày 06-5-2013, số 003/KG/2013-NTN ngày 25-5-2013, số 004/KG/2013-NTN ngày 27-5-2013 và số 005/KG/2013-NTN ngày 30-5-2013 (kèm theo các biên bản chốt giá), tổng giá trị thành tiền 33.958.512.093 đồng (trong đó doanh số chưa thuế 32.341.440.088 đồng, thuế GTGT 1.617.072.005 đồng). Thực tế số lượng 800.000 kg cà phê Robusta nhân xô này được Trần Minh T chỉ đạo Vũ Đức T1 trực tiếp liên hệ bán cho Cơ sở thu mua nông sản Trần Đăng T vào tháng 5, 6, 7-2013 thu tổng số tiền mặt là 31.980.850.000 đồng, không xuất hóa đơn GTGT (tiền thuế GTGT 5% của giá trị hàng hoá 31.980.850.000 đồng là 1.599.042.500 đồng).

Trần Minh T khai: Thời điểm tháng 5, 6-2013, hầu hết hàng hóa gồm cà phê nhân xô, cà phê thành phẩm trong kho của V Nam Tây Nguyên đã được thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P Chi nhánh Đắk Lắk (P Đắk Lắk) để vay vốn. V Nam Tây Nguyên hết nguồn thu để trả nợ Ngân hàng nên T tổ chức cuộc họp cán bộ chủ chốt và chỉ đạo nội dung số lượng cà phê thế chấp cho P Đắk Lắk sẽ được bán thành nhiều đợt không xuất hóa đơn, sau khi thu tiền mặt từ người mua sẽ dùng một phần tiền để thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho P Đắk Lắk. Sau khi P Đắk Lắk giải chấp xuất kho trả lại cà phê thì V Nam Tây Nguyên sẽ giao cà phê cho người mua. Ngoài phần tiền dùng trả nợ cho Ngân hàng, số tiền còn lại thu được từ người mua sẽ để ngoài sổ sách kế toán để chờ giá cà phê xuống thấp rồi dùng vào việc mua bù số lượng 480.000kg cà phê tồn kho đã xuất không cho Công ty H để giấu lỗ cuối năm 2012. Theo chỉ đạo của Trần Minh T, Vũ Đức T1 liên hệ với ông Trần Đăng T - Chủ Hộ kinh doanh Trần Đăng T để thỏa thuận về việc V Nam Tây Nguyên có lô hàng cà phê Robusta nhân xô, bán không xuất hóa đơn thu tiền mặt, ông T đồng ý và tự thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Kiều N - Chủ Doanh

nghiệp tư nhân thương mại D N cùng góp tiền mặt để mua chung. Trong tháng 5, 6-2013, V Nam Tây Nguyên đã nhiều đợt xuất bán tổng số lượng 800.000 kg cà phê Robusta nhân xô cho hộ kinh doanh Trần Đăng T. Để được nhận hàng, ông T đến phòng Kế toán gặp Phan Thị N trả tiền mặt, Phan Thị N trình bày đã thu tiền mặt từ ông T tổng số tiền 31.980.850.000 đồng, nhưng không lập phiếu thu tiền, ông Trần Đăng T trình bày trực tiếp mua số lượng 368.700 kg và Doanh nghiệp tư nhân D N mua thông qua ông T số lượng 431.300 kg, tiền mua hàng do bà Nguyễn Thị Kiều N trả bằng tiền mặt cho ông T và ông T nộp cho Phan Thị N trong tổng số tiền 31.980.850.000 đồng, mỗi lần ông T nhận hàng từ kho của V Nam Tây Nguyên thì đều có sự kiểm tra, giám sát của cán bộ Ngân hàng mới được nhận hàng ra khỏi kho của V Nam Tây Nguyên.

Đối với số tiền 31.980.850.000 đồng thu từ ông Trần Đăng T, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D, Phan Thị N và Hoàng Công Đ hợp thức bằng cách lập không 11 phiếu thu thể hiện Nguyễn Như L - Giám đốc Công ty H nộp tổng số tiền 18.480.850.000 đồng tiền ứng Hợp đồng gửi kho cà phê số 01, 02, 03 và 04-NTN-LS9%/N cho V Nam Tây Nguyên (Phiếu thu: PT13/060 ngày 05-5-2013: 2.200.000.000 đồng; PT13/062 ngày 07-5-2013: 1.800.000.000 đồng; PT13/066 ngày 09-5-2013: 2.000.000.000 đồng; PT13/070 ngày 10-5-2013: 2.400.000.000 đồng; PT13/079 ngày 03-6-2013: 2.100.000.000 đồng; PT13/080 ngày 04-6-2013: 1.100.000.000 đồng; PT13/081 ngày 06-6-2013: 1.500.000.000 đồng; PT13/085 ngày 10-6-2013: 1.000.000.000 đồng; PT13/086 ngày 11-6-2013: 1.500.000.000 đồng; PT13/089 ngày 21-6-2013: 1.200.000.000 đồng; PT13/092 ngày 28-6-2013: 1.680.850.000 đồng). Sau mỗi lần hợp thức hóa Công ty H nộp tiền vào quỹ tiền mặt của V Nam Tây Nguyên (tổng số tiền 18.480.850.000 đồng), thì Trần Minh T chỉ đạo hợp thức hóa lập các phiếu chi xuất quỹ tiền mặt để Phan Thị N đem nộp vào tài khoản Ngân hàng P Đắc Lắc rồi hạch toán trả nợ gốc và nợ lãi theo các khế ước nhận nợ số 554.07, 554.08, 554.09, 554.13, 554.14 và 554.15. Số tiền còn lại là 13.500.000.000 đồng thu của ông Trần Đăng T, được Trần Minh T chỉ đạo để ngoài sổ sách kế toán không nhập quỹ của V Nam Tây Nguyên. Theo lời khai của Trần Anh D thì số tiền này, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D và Phan Thị N hợp thức hóa các chứng từ nộp tổng cộng 6.800.000.000 đồng vào tài khoản 194.26599207.01.3 của Công ty H tại Ngân hàng Kỹ Thương để T thực hiện việc mua, bán cà phê trên sàn giao dịch. Sau đó đến các ngày 01-7-2013 và ngày 29-7-2013, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D phân công Phan Thị N dùng các chứng từ do Nguyễn Như L và Cao Thị H ký, rút ra khỏi tài khoản 194.26599207.01.3 của Công ty H tại Ngân hàng Kỹ thương rồi đem nộp tài khoản 102010001585346 của Công ty H tại Ngân hàng Công Thương; rồi dùng lệnh chi của Công ty H hợp thức hóa thực hiện giao dịch chuyển đến tài khoản 102010000885777 của V Nam Tây Nguyên để hợp thức hóa việc Công ty H chuyển trả tiền mua số lượng 800.000kg cà phê Robusta nhân xô của V Nam Tây Nguyên, cụ thể như sau:

- Ngày 03-7-2013, Chi cục thuế thành phố B có Quyết định số 2403/QĐ-CCT về việc kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế đối với V Nam Tây Nguyên. Để tránh bị phát hiện việc xuất bán số lượng 800.000kg cà phê cho hộ kinh doanh Trần Đăng T thu số tiền 31.980.850.000 đồng không xuất hóa đơn GTGT để kê khai nộp thuế mà hợp thức bằng việc lập không hợp đồng gửi kho cho Công ty H

(thực tế Công ty H không có trụ sở, không có kho hàng) nên Trần Minh T chỉ đạo tiếp tục hợp thức hóa xuất hóa đơn GTGT cho Công ty H, hợp thức hóa việc Công ty H chuyển trả tiền mua số lượng 800.000 kg cà phê Robusta để kê khai hóa đơn GTGT đóng thuế đầu ra; trong đó Trần Anh D lập không các Biên bản chốt giá cà phê gửi kho gồm: số CT15 ngày 31-5-2013, số CT16 ngày 04-6-2013, số CT17 ngày 11-6-2013, số CT18 ngày 11-6-2013, số CT19 ngày 11-6-2013, đưa cho Trần Minh T ký tên đóng dấu bên bán là Giám đốc V Nam Tây Nguyên và Nguyễn Như L ký bên mua là Giám đốc Công ty H; Châu Thị Minh N - Kế toán thuế lập các hóa đơn số 0000541 ngày 04-6-2013, số 0000542 ngày 21-6-2013, số 0000543 ngày 28-6-2013 thể hiện V Nam Tây Nguyên xuất bán số lượng 800.000 kg cà phê Robusta nhân xô của V Nam Tây Nguyên cho Công ty H. Trần Minh T đã chỉ đạo phòng Kế toán, phụ trách là Trần Anh D hợp thức việc Công ty H chuyển tiền mua số lượng qua tài khoản ngân hàng. Vào các ngày 01, 08, 29, 30-7-2013 và ngày 01-8-2013, Trần Anh D phân công Phan Thị N và Hoàng Công Đ hợp thức hóa việc chuyển tiền mua hàng như sau:

- Ngày 01-7-2013, Phan Thị N dùng lệnh chi của Công ty H rút số tiền 5.100.000.000 đồng từ tài khoản 194.26599207.01.3 của Công ty H tại Ngân hàng Kỹ thương; cùng ngày 01-7-2013, Phan Thị N đem số tiền 5.100.000.000 đồng này nộp vào tài khoản 102010001585346 của Công ty H tại Ngân hàng C rồi dùng lệnh chi của Công ty H hợp thức hóa thực hiện giao dịch chuyển số tiền 5.100.000.000 đồng này từ tài khoản 102010001585346 đến tài khoản 102010000885777 của V Nam Tây Nguyên với nội dung: *Chuyển thanh toán tiền mua hàng* (Trần Anh D khai nguồn gốc số tiền 5.100.000.000 đồng này là tiền thu trong tổng số tiền mặt của ông Trần Đăng T, không lập phiếu thu, được Trần Minh T chỉ đạo nộp vào tài khoản của Công ty H tại Ngân hàng Kỹ thương chi nhánh Đắk Lắk, đến ngày 01-7-2013 rút ra để hợp thức hóa chuyển trả tiền mua hàng).

- Ngày 08-7-2013, Phan Thị N dùng các chứng từ liên quan hạch toán tất toán tổng số tiền 8.500.000.000 đồng, tiền gửi tiết kiệm của V Nam Tây Nguyên về tài khoản thanh toán của V Nam Tây Nguyên tại P Đắk Lắk rồi dùng Lệnh chi rút 8.500.000.000 đồng này hợp thức hóa với nội dung: *Rút tiền gửi NH P nhập quỹ*. Tuy nhiên, thực tế Phan Thị N và Hoàng Công Đ dùng số tiền 8.500.000.000 đồng này để hợp thức hóa việc Công ty H chuyển trả tiền mua hàng cho V Nam Tây Nguyên với tổng số tiền 18.100.000.000 đồng bằng cách thực hiện qua các lần rút ra và nộp tiền vào tài khoản ngân hàng (Lần 1: Phan Thị N nộp 8.500.000.000 đồng vào tài khoản 102010001585346 của Công ty H rồi Hoàng Công Đ dùng Lệnh chi do Nguyễn Như L ký sẵn, chuyển 8.500.000.000 đồng từ tài khoản 102010001585346 của Công ty H sang tài khoản 102010000885777 của V Nam Tây Nguyên; lần 2 tương tự như lần 1, Phan Thị N rút 8.500.000.000 đồng từ tài khoản 102010000885777 nhập quỹ tiền mặt hợp thức theo phiếu thu PT13/097 nhưng thực chất sử dụng 8.000.000.000 đồng để nộp lại vào tài khoản 102010001585346 của Công ty H rồi Hoàng Công Đ hợp thức hóa chuyển số tiền 8.000.000.000 đồng này từ tài khoản của Công ty H đến tài khoản 102010000885777 của V Nam Tây Nguyên; lần 3: Phan Thị N rút 4.500.000.000 đồng từ tài khoản 102010000885777 nhập quỹ tiền mặt hợp thức tại Phiếu thu PT13/098 nhưng thực chất dùng số tiền 1.600.000.000 đồng để nộp vào lại tài khoản

102010001585346 của Công ty H rồi Hoàng Công Đ hợp thức hóa chuyển số tiền 1.600.000.000 đồng này vào lại tài khoản 102010000885777 của V Nam Tây Nguyên để hợp thức hóa việc “Chuyển trả tiền mua hàng”. Như vậy, trong ngày 08-7-2013 với 8.500.000.000 đồng rút từ tài khoản tiền gửi của V Nam Tây Nguyên tại P Đắc Lắc, sau khi Phan Thị N và Hoàng Công Đ hợp thức hóa việc chuyển tiền, thì thể hiện rút tiền gửi Ngân hàng P, Ngân hàng C nhập quỹ tổng số tiền là 21.500.000.000 đồng tại các phiếu thu PT13/096, PT13/097 và PT13/098. Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D phân công Phan Thị N lập 02 giấy giới thiệu nội dung: Công ty H giới thiệu Cao Thị H - Kế toán đến Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê tại Đắc Lắc để nhận tiền để hợp thức hóa được việc xuất quỹ tiền mặt chi trả số tiền hoàn ứng tiền hàng gửi kho cho Công ty H tổng cộng 18.100.000.000 đồng. Cao Thị H ký nhận không số tiền 18.100.000.000 đồng tại 02 Phiếu chi PC13/265, PC13/266 ngày 08-7-2013 đã hợp thức hóa được việc Công ty H nhận lại 18.100.000.000 đồng trong tổng số tiền 18.480.850.000 đồng mà Nguyễn Như L nộp tiền ứng Hợp đồng gửi kho cà phê số 01, 02, 03 và 04-NTN-LS9%/N cho V Nam Tây Nguyên.

- Ngày 29-7-2013, Phan Thị N dùng lệnh chi của Công ty H rút số tiền 4.830.000.000 đồng từ tài khoản 194.26599207.01.3 tại Ngân hàng Kỹ thương - Chi nhánh Đắc Lắc; cùng ngày 01-7-2013, Phan Thị N đem số tiền 4.830.000.000 đồng nộp vào tài khoản 102010001585346 của Công ty H tại Ngân hàng C. Đến ngày 30-7-2013 dùng lệnh chi hợp thức hóa thực hiện giao dịch chuyển số tiền 4.830.000.000 đồng này đến tài khoản 102010000885777 của V Nam Tây Nguyên với nội dung chuyển thanh toán tiền mua hàng. Trần Anh D khai: Số tiền 4.830.000.000 đồng này, trong đó có số tiền của V Nam Tây Nguyên được Trần Minh T chỉ đạo nộp vào tài khoản của Công ty H tại ngân hàng Kỹ thương - Chi nhánh Đắc Lắc để mua, bán cà phê trên sàn giao dịch.

- Ngày 30-7-2013, Phan Thị N nộp số tiền 1.890.000.000 đồng vào tài khoản 102010001585346 của Công ty H tại Ngân hàng C, cùng dùng lệnh chi của Công ty H thực hiện giao dịch chuyển 1.890.000.000 đồng này vào tài khoản 102010000885777 của V Nam Tây Nguyên với nội dung chuyển thanh toán tiền mua hàng. Số tiền 1.890.000.000 đồng này, Trần Anh D khai là tiền thu trong tổng số tiền mặt 31.980.850.000 đồng của ông Trần Đăng T không lập phiếu thu.

- Ngày 31-7-2013, Phan Thị N nộp số tiền 1.680.000.000 đồng vào tài khoản 5200201012860 của Công ty H tại Ngân hàng Nông nghiệp, đến ngày 01-8-2013 thực hiện giao dịch chuyển 1.680.000.000 đồng này vào tài khoản 5200210008760 của V Nam Tây Nguyên tại ngân hàng Nông nghiệp với nội dung chuyển thanh toán tiền mua hàng. Số tiền 1.680.000.000 đồng này Trần Anh D khai là tiền thu trong tổng số tiền mặt 31.980.850.000 đồng của ông Trần Đăng T không lập phiếu thu.

Trần Minh T đã chỉ đạo hợp thức hóa việc Công ty H chuyển tổng số tiền 31.600.000.000 đồng để trả tiền mua hàng vào tài khoản Ngân hàng của V Nam Tây Nguyên. Chênh lệch giữa việc V Nam Tây Nguyên thu tiền ứng từ Nguyễn Như L và chi tiền ứng tiền cho Cao Thị H theo các hợp đồng gửi kho lập không với Công ty H là 380.850.000 đồng = (18.480.850.000 đồng - 18.100.000.000 đồng). Tổng số tiền đã được hợp thức Công ty H chuyển trả tiền mua số lượng 800.000kg cà phê

Robusta cho V Nam Tây Nguyên là 31.980.850.000 đồng = (31.600.000.000 đồng + 380.850.000 đồng). Trần Minh T, Trần Anh D và Phan Thị N khai 31.980.850.000 đồng chính là số tiền mặt thu được từ ông Trần Đăng T khi bán số lượng 800.000 kg cà phê nhân xô.

Từ việc hợp thức hóa việc chuyển trả tiền hàng theo các Hóa đơn số 0000541 ngày 04-6-2013, số 0000542 ngày 21-6-2013, số 0000543 ngày 21-6-2013 thể hiện: Công ty H đã chuyển trả được tổng số tiền 31.980.850.000 đồng cho V Nam Tây Nguyên. Công ty H còn nợ V Nam Tây Nguyên số tiền mua hàng số tiền 1.977.662.093 đồng (33.958.512.093 đồng - 31.980.850.000 đồng). V Nam Tây Nguyên treo công nợ cho Công ty H, trong đó có tiền thuế GTGT đầu ra là 1.617.072.005 đồng mà V Nam Tây Nguyên đã kê khai nộp thuế theo các hóa đơn bất hợp pháp xuất bán khống cho Công ty H, nhưng trên thực tế không có đối tượng thu là người mua hàng hợp pháp.

Quá trình Phan Thị N và các cá nhân rút, chuyển tiền nhiều lần để hợp thức hóa việc trả tiền mua hàng theo các hợp đồng mua, bán khống lập giữa V Nam Tây Nguyên với Công ty H như trên đã gây thiệt hại cho V Nam Tây Nguyên số tiền 5.390.000 đồng để trả phí dịch vụ Ngân hàng.

Ngoài ra, ngày 05-8-2013, Trần Minh T còn chỉ đạo Trần Anh D, Hoàng Công Đ và Phan Thị N lập khống Phiếu chi số PC13/287, xuất số tiền 77.962.401 đồng trả cho Nguyễn Như L, nội dung: “*Chi thanh toán lãi tiền ứng theo HĐ số 01, 02, 03, 04/KG/2013/NTN*”. Thực tế, Nguyễn Như L không nhận số tiền này, Trần Minh T và Phan Thị N trình bày số tiền này được bù vào khoản tiền đền bù do vi phạm hợp đồng mua, bán mà Trần Minh T - Đại diện cho V Nam Tây Nguyên thực hiện vào cuối năm 2012.

Như vậy, từ tháng 4-2012 – 8-2013, Trần Minh T chỉ đạo Phan Thanh L, Trần Anh D, Vũ Đức T1, Hoàng Công Đ và Phan Thị N lập các hợp đồng mua, bán hàng hóa khống, lập chứng từ xuất khống 09 hóa đơn GTGT bán ra cho Công ty H số lượng 1.280.000 kg cà phê Robusta nhân xô và 41.227,5 kg tiêu đen, tổng trị giá thành tiền là 61.459.054.674 đồng, trong đó tổng doanh số bán ra chưa thuế là 58.532.433.022 đồng, tổng tiền thuế GTGT đầu ra là 2.926.621.652 đồng (cụ thể: 480.000 kg cà phê, doanh số chưa thuế 20.880.000.000 đồng, thuế GTGT 1.044.000.000 đồng, tổng trị giá 21.924.000.000 đồng; 800.000 kg cà phê, doanh số chưa thuế 32.341.440.088 đồng, thuế GTGT 1.617.072.005 đồng, tổng trị giá 33.958.512.093 đồng; 41.227,5 kg tiêu đen, doanh số chưa thuế 5.310.992.934 đồng, thuế GTGT 265.549.647 đồng, tổng trị giá 5.576.542.581 đồng), gây thiệt hại cho V Nam Tây Nguyên tổng số tiền **3.009.974.053 đồng** (gồm: tiền thuế GTGT đầu ra kê khai đã khấu trừ, nộp thuế theo các hóa đơn GTGT bất hợp pháp xuất cho Công ty H là 2.926.621.652 đồng; số tiền 77.962.401 đồng do lập khống Phiếu chi số PC13/287 ngày 05-8-2013; số tiền 5.390.000 đồng trả phí dịch vụ Ngân hàng để hợp thức hóa việc chuyển trả tiền hàng theo các hợp đồng mua, bán khống với Công ty H).

Vì V Nam Tây Nguyên kê khai hóa đơn GTGT đầu ra bán khống số lượng 1.280.000 kg cà phê Robusta nhân xô và 41.227,5 kg tiêu đen cho Công ty H nên treo công nợ cho Công ty H đối với số tiền thuế GTGT 2.926.621.652 đồng. Để Công

ty H có nguồn thu tiền thuế GTGT trả lại cho V Nam Tây Nguyên, Trần Minh T đã chỉ đạo Vũ Đức T1, Trần Anh D, Hoàng Công Đ lập các hợp đồng mua, bán hàng hóa không; lập chứng từ khống, kê khai xuất hóa đơn GTGT thể hiện Công ty H bán ra cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tổng số lượng 1.280.000 kg cà phê Robusta nhân xô và 41.228 kg tiêu đen, trị giá thành tiền 60.367.254.360 đồng, trong đó tổng doanh số chưa thuế 57.492.623.200 đồng, thuế GTGT 2.874.631.160 đồng, cụ thể: Công ty H xuất Hóa đơn GTGT số 0000071 ngày 29-7-2013 bán 41.228 kg tiêu đen cho Công ty TNHH Một thành viên Cà phê EZ (huyện C, tỉnh Đắk Lắk), theo Hợp đồng mua, bán số 02/2013/HTDL ngày 29-7-2013, với tổng giá trị thanh toán 5.168.754.360 đồng (trong đó tiền hàng chưa thuế 4.922.623.200 đồng; tiền thuế GTGT 246.131.160 đồng); Tháng 7-2013 lập khống 03 Hợp đồng mua, bán số 18/07/2013-HT, số 28/07/2013-HT và số 09/08/2013-ĐT, xuất khống 14 hóa đơn GTGT thể hiện bán cho Hộ kinh doanh Trần Đăng T (huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk) 600.000 kg cà phê Robusta nhân xô, với tổng giá trị thanh toán 25.935.000.000 đồng (trong đó doanh số chưa thuế 24.700.000.000 đồng, thuế GTGT 1.235.000.000 đồng); tháng 7-2013, lập khống 02 Hợp đồng mua, bán số 17/07/2013-HT, số 27/07/2013-HT01, xuất khống 08 hóa đơn GTGT thể hiện bán cho Doanh nghiệp tư nhân Thương mại D N 431.300 kg, với tổng giá trị thanh toán 18.724.965.000 đồng (trong đó doanh số chưa thuế 17.833.300.000 đồng, thuế GTGT 891.665.000 đồng); tháng 8-2013, lập 03 Hợp đồng mua, bán khống số 07/08/2013-QH, số 08/08/2013-QH, số 10/08/2013-QH, xuất 05 hóa đơn GTGT cho Doanh nghiệp tư nhân Quang Hà (huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk) thể hiện bán khống số lượng 248.700 kg cà phê Robusta nhân xô, tổng giá trị thanh toán 18.724.965.000 đồng (trong đó doanh số chưa thuế 10.036.700.000 đồng; thuế GTGT 501.835.000 đồng). Từ việc Công ty H xuất hóa đơn GTGT bất hợp pháp cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh như đã nêu trên, trong tổng số tiền thuế GTGT 2.926.621.652 đồng mà V Nam Tây Nguyên treo công nợ thì Công ty H đã trả cho V Nam Tây Nguyên được số tiền 1.365.549.647 đồng từ các nguồn:

+ Số tiền 265.549.647 đồng do Trần Minh T nộp tại Phiếu thu số PT14/015 ngày 28-3-2013, theo Trần Minh T trình bày nguồn tiền có được từ số tiền thuế GTGT 246.131.160 đồng mà Công ty Cà phê EZ chuyển trả cho Công ty H do hợp thức việc mua lô hàng 41.228kg tiêu đen.

+ Ngày 15-7-2015, ông Trần Đăng T chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản số 0231000575668 Công ty H để thanh toán tiền thuế GTGT. Cùng ngày 15-7-2015, Công ty H đã chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng này vào tài khoản ngân hàng của V Nam Tây Nguyên để trả tiền thuế GTGT.

+ Ngày 26-8-2021, Trần Minh T nộp tiền mặt 100.000.000 đồng cho V Nam Tây Nguyên với nội dung “Trả nợ thay cho Công ty TNHH H Đắk Lắk”.

Như vậy còn lại **1.644.424.406 đồng** (3.009.974.053 đồng - 1.365.549.647 đồng) bị thất thoát liên quan đến việc Trần Minh T chỉ đạo hợp thức hóa xuất bán khống số lượng 41.227 kg tiêu đen và 1.280.000 kg cà phê Robusta nhân xô cho Công ty H, đến nay V Nam Tây Nguyên vẫn chưa thu hồi lại được.

Tại bản Kết luận giám định số 144/KLGD-STC ngày 24-01-2018, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk xác định:

Việc Chi nhánh (V Nam Tây Nguyên) báo cáo tài chính sai sự thật, giấu lỗ, lập các chứng từ kế toán không, giả mạo để tạo các bút toán giấu lỗ là không đúng quy định tại khoản 1, 3, 4, Điều 6 của Luật Kế toán số 03/2003/QH11: “*Yêu cầu kế toán phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính; phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán; phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính*” và khoản 1 Điều 14 của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 quy định các hành vi bị nghiêm cấm, trong đó có hành vi “*Giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán*”.

Như vậy, Trần Minh T, Phan Thanh L, Trần Anh D, Vũ Đức T1, Hoàng Công Đ, Phan Thị N và Nguyễn Như L lập không chứng từ mua vào 480.000 kg cà phê Robusta nhân xô, nâng không hàng tồn kho để giấu lỗ; bán số lượng 800.000 kg cà phê Robusta nhân xô và 41.227,5 kg tiêu đen thu tiền mặt nhưng không xuất hóa đơn GTGT hợp pháp, không hạch toán, ghi chép vào sổ sách kế toán của V Nam Tây Nguyên theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước, mà hợp thức hóa xuất không các hóa đơn GTGT cho Công ty H đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28-9-2010 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14-5-2010 của Chính phủ Quy định về hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; khoản 1, 3, 4 Điều 6 và khoản 1 Điều 14 của Luật Kế toán số 03/2003/QH11; điểm c khoản 2 Điều 4, khoản 2, 3, 6 Điều 6 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước số 09/2008/QH12 ngày 03-6-2008; Quy định số 375/TCT-HĐTV/QĐ ngày 17/5/2011 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cà phê V, gây hậu quả thiệt hại cho V Nam Tây Nguyên tổng số tiền **3.009.974.053 đồng**.

2. Hành vi cố ý lập phương án kinh doanh không, lập Hợp đồng mua, bán không, trong đó có các hợp đồng ký không với Công ty H; lập chứng từ kế toán không cung cấp cho Ngân hàng để hợp thức hóa hồ sơ, thủ tục vay vốn; sử dụng nguồn vốn vay không đúng mục đích, không hiệu quả theo nguyên tắc bảo tồn và phát triển vốn như phương án kinh doanh khi nhận nợ; sử dụng vốn vay của V Nam Tây Nguyên dùng vào hoạt động mua, bán của Công ty H, mất khả năng thanh toán do đã bán trước cà phê gửi kho không xuất hóa đơn, thu tiền mặt trả nợ ngân hàng rồi tiếp tục thế chấp hàng hóa, nhà xưởng, máy móc để nhận nợ; không báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn vay cho Tổng Công ty Cà phê V theo quy định, gây thiệt hại số tiền 5.001.809.660 đồng.

Để được Tổng Công ty Cà phê V tiếp tục phê duyệt phương án kinh doanh năm 2013 và tiếp tục bảo lãnh vay vốn ngân hàng, thuận lợi trong việc duy trì hoạt động kinh doanh năm 2013; để các khách hàng ký kết các hợp đồng kinh tế mua, bán hàng hóa và các Ngân hàng giải quyết cho vay vốn mà không sợ V Nam Tây Nguyên bị thua lỗ lớn, Trần Minh T, Phan Thanh L, Vũ Đức T1, Trần Anh D thống nhất lập Báo cáo tài chính phản ánh nội dung không đúng kết quả kinh doanh thua lỗ thực tế, giấu lỗ 09 tháng đầu năm 2012 và trong cả năm 2012. Sau khi nhận được các Báo cáo tài chính giấu lỗ của V Nam Tây Nguyên; Tờ trình vay vốn số 124/TT-CN ngày 24-10-2012 kèm theo phương án kinh doanh số 134/CN-PAKD niên vụ 2012-2013 và Báo cáo giải trình số 133/CV-CN lập ngày 02-11-

2012, giải trình số lỗ phát sinh trong 09 tháng tài chính đầu năm 2012 là 6.026.222.112 đồng; Tờ trình số 03/TT-CN kèm theo Báo cáo số 04/BC-CN và Phương án kinh doanh số 05/CN-PAKD, thì Tổng Công ty Cà phê V giao các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất năm 2013 và bảo lãnh cho V Nam Tây Nguyên được vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - Chi nhánh Đắk Lắk (P Đắk Lắk) theo Giấy ủy quyền số 998/TCT-TGD/UQ ngày 09-11-2012 hạn mức cao nhất 30 tỷ đồng và Giấy ủy quyền số 19/TCT-TGD/UQ ngày 11-01-2013 hạn mức cao nhất 50 tỷ đồng; các giấy ủy quyền này đều có giá trị đến hết ngày 31-12-2013.

Từ tháng 6-2012, V Nam Tây Nguyên đã thua lỗ hơn 08 tỉ đồng do bán trước 2.763.000 kg cà phê nhận gửi kho của khách hàng chưa chốt giá. Để có nguồn vốn lưu động từ tiền vay của các ngân hàng phục vụ trả nợ và tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh, Trần Minh T đã chỉ đạo Phòng Kinh doanh và Phòng Kế toán lập hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Khánh Hòa (SHB Khánh Hòa), lập 06 hợp đồng mua, bán khống giữa V Nam Tây Nguyên với Công ty H, chứng minh mục đích sử dụng vốn, để được giải ngân tổng số tiền 76.600.000.000 đồng; lập 03 hợp đồng mua, bán khống giữa V Nam Tây Nguyên với Công ty H chứng minh mục đích vay vốn cung cấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (Agribank Đắk Lắk) để được giải ngân tổng số tiền 17.500.000.000 đồng. Sau khi được SHB Khánh Hòa và Agribank Đắk Lắk giải ngân tiền vay, chuyển tiền vào tài khoản của Công ty H theo phương án kinh doanh khi nhận nợ, lấy lý do không thực hiện được hợp đồng, Trần Minh T đã chỉ đạo Trần Anh D và Hoàng Công Đ hợp thức hóa chứng từ, lập các ủy nhiệm chi đưa cho Nguyễn Như L ký rồi thực hiện giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của Công ty H sang tài khoản của V Nam Tây Nguyên để sử dụng một phần vào việc trả nợ gốc, nợ lãi cho các lần nhận nợ trước đó; dùng để trả nợ cho các khoản thua lỗ trước đó, dùng vào các mục đích kinh doanh khác mà không thực hiện mua cà phê của Công ty H theo đúng mục đích cam kết sử dụng vốn như phương án kinh doanh khi nhận nợ ngân hàng. Số tiền lãi mà V Nam Tây Nguyên phải trả cho tổng số tiền 91.100.000.000 đồng vay tại SHB Khánh Hòa và Agribank Đắk Lắk là 2.766.580.004 đồng.

Bằng các thủ đoạn như trên, sau khi được Tổng Công ty ủy quyền vay vốn, Trần Minh T chỉ đạo Phan Thanh L và Trần Anh D lập khống Báo cáo tài chính của V Nam Tây Nguyên 06 tháng đầu năm 2012 thể hiện lợi nhuận sau thuế 1.411.721.482 đồng (thực tế thua lỗ tính riêng mặt hàng cà phê hơn 08 tỷ đồng); lập khống Báo cáo tài chính năm 2012 thể hiện lợi nhuận sau thuế 2.722.176.896 đồng; Lập khống Phương án kinh doanh niên vụ cà phê 2012-2013 thể hiện lợi nhuận sau thuế năm 2012 của V Nam Tây Nguyên là 2.722.176.896 đồng (thực tế năm 2012 thua lỗ 24.951.629.313 đồng), cung cấp các tài liệu lập khống nêu trên cho P Đắk Lắk, kèm theo các hồ sơ tài chính của Tổng Công ty Cà phê V; hồ sơ pháp lý trong đó có các văn bản Tổng Công ty Cà phê V ủy quyền cho V Nam Tây Nguyên được ký hợp đồng vay vốn; các hồ sơ khác chứng minh không đúng thực tế năng lực kinh doanh của V Nam Tây Nguyên đang bị thua lỗ trong 09 tháng đầu năm 2012 là 16.291.713.512 đồng, thua lỗ cả năm 2012 là 24.951.629.313 đồng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn như trên của V Nam Tây Nguyên, ngày 01-10-2012, P Đắk Lắk tiến hành thẩm định, phân tích hồ sơ, lập Tờ trình đề nghị, được Hội đồng

tín dụng P đồng ý phê duyệt hạn mức tín dụng 30.000.000.000 đồng đối với V Nam Tây Nguyên vào ngày 12-10-2012. Ngày 14-01-2013, sau khi nhận được đề nghị nâng hạn mức của V Nam Tây Nguyên thì P Đắc Lắc lập Tờ trình tín dụng doanh nghiệp đề xuất cấp tín dụng 50.000.000.000 đồng hoặc USD tương đương trình Ủy ban tín dụng P. Ngày 17-01-2013, Ủy ban tín dụng P phê duyệt hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng cho V Nam Tây Nguyên.

P Đắc Lắc và V Nam Tây Nguyên đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức - Khách hàng doanh nghiệp số 554/2012/HĐTD-DN ngày 22-11-2012; các Phụ lục Hợp đồng tín dụng: Số 554.01/2012/HĐTD-DN ngày 12-12-2012, số 554.02/2013/HĐTD-DN ngày 22-01-2013, số 554.03/2013/HĐTD-DN ngày 02-5-2013, số 554.04/2013/HĐTD-DN ngày 22-8-2013, số 554.5/2013/PL-HĐTD-DN ngày 01-11-2013. Để đảm bảo vốn vay theo 18 khế ước nhận nợ với tổng số tiền 83.731.000.000 đồng, căn cứ vào số tiền nhận nợ của từng khế ước, Trần Minh T đã chỉ đạo Trần Anh D và Hoàng Công Đ lập các hồ sơ, tài liệu thế chấp tài sản gồm: *Hàng hóa bao gồm cả phê nhân xô và cả phê thành phẩm; Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Thửa đất số 5293, Tờ bản đồ số 17, xã EZ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dây chuyền chế biến cà phê tại kho Km 12, Thửa đất số 5293, Tờ bản đồ số 17, xã EZ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Chủ sở hữu: Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV Đắk Lắk, tại Hợp đồng thế chấp hàng hóa, vật tư số 554/2012/BĐ ngày 22-11-2012; Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 554/2013/BĐ ngày 26-4-2013; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 554B/2013/BĐ ngày 06-5-2013 và các phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng bảo đảm tiền vay kèm theo. Đồng thời, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D lập không các phương án kinh doanh, kèm theo các hợp đồng mua, bán đầu vào chứng minh mục đích sử dụng vốn và hợp đồng mua, bán đầu ra, chứng minh nguồn thu trả nợ để nhận nợ tại 18 khế ước nhận nợ; Hoàng Công Đ là kế toán theo dõi lĩnh vực ngân hàng được giao nhiệm vụ giúp Trần Anh D lập các ủy nhiệm chi để được giải ngân vốn vay, trong đó có liên quan đến việc giải ngân vốn vay theo các hợp đồng mua, bán hàng hóa không với Công ty H.*

Trong các hợp đồng mua, bán đầu vào để V Nam Tây nguyên chứng minh mục đích sử dụng vốn thì Trần Minh T chỉ đạo sử dụng 06 hợp đồng mua, bán ký không với Công ty H cung cấp cho P Đắc Lắc, được giải ngân tổng số tiền 27.175.000.000 đồng; V Nam Tây Nguyên đã chuyển tiền vào tài khoản của Công ty H như phương án kinh doanh khi nhận nợ; sau đó lấy lý do không thực hiện được hợp đồng, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D và Hoàng Công Đ hợp thức hóa chứng từ Công ty H chuyển trả lại số tiền 27.175.000.000 đồng cho V Nam Tây Nguyên (gồm: *Hợp đồng số 46-BCF/2012/NTN ngày 10-12-2012, được giải ngân vay số tiền 5.800.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 554.01/2012/HĐTD-DN ngày 12-12-2012; Hợp đồng số 47-BCF/2012/NTN ngày 21-12-2012 được giải ngân vay số tiền 9.945.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 554.04/2012/HĐTD-DN ngày 24-12-2012; Hợp đồng số 18-BCF/2013/NTN ngày 10-01-2013, được giải ngân vay số tiền 5.700.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 554.06/2013/HĐTD-DN ngày 22-01-2013; Hợp đồng số 22-BCF/2013/NTN ngày 02-02-2013, được giải ngân vay 740.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 554.07/2013/HĐTD-DN ngày 05-02-2013; Hợp đồng số 19-MCF/2013/NTN ngày*

22-02-2013, được giải ngân vay 3.290.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 554.09/2013/HĐTD-DN ngày 25-02-2013; Hợp đồng số 45-MCF/2013/NTN ngày 03-4-2013, được giải ngân vay tổng cộng 1.700.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 554.14/2013/HĐTD-DN ngày 05-4-2013); có 05 hợp đồng V Nam Tây Nguyên ký với các Công ty TNHH Một thành viên Cà phê EZ, Công ty TNHH Một thành viên Cà phê C, Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Ea H' nin, được giải ngân tổng số tiền 20.800.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền mua hàng thì từ 01 đến 04 ngày sau, các công ty này chuyển trả lại tiền cho V Nam Tây Nguyên cũng với lý do không thực hiện được hợp đồng (Hợp đồng số 26-MCF/2013/NTN ngày 08-02-2013 ký với Công ty EaKtur, được giải ngân 5.000.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 554.08/2013/HĐTD-DN ngày 18-02-2013; Hợp đồng số 46-MCF/2013/NTN ngày 15-4-2013 ký với Công ty EZ, được giải ngân 2.900.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 554.15/2013/HĐTD-DN ngày 18-4-2013; Hợp đồng số 47-MCF/2013/NTN ngày 22-4-2013 ký với Công ty EH, được giải ngân 3.500.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 554.16/2013/HĐTD-DN ngày 23-4-2013; Hợp đồng số 48-MCF/2013/NTN ngày 21-5-2013 ký với Công ty C, được giải ngân 4.000.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 554.17/2013/HĐTD-DN ngày 21-5-2013; Hợp đồng mua, bán ký với Công ty EH, được giải ngân 5.400.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 554.18/2013/HĐTD-DN ngày 10-7-2013). Trong các Hợp đồng mua, bán đầu ra thể hiện bán cà phê để chứng minh lợi nhuận có nguồn thu trả nợ thì có 05 hợp đồng mua, bán không với Công ty H. Các hợp đồng mua, bán đầu ra với các Công ty khác đều không được V Nam Tây Nguyên thực hiện như phương án kinh doanh khi nhận nợ. Ngay từ phương án kinh doanh nhận nợ tại khế ước nhận nợ thứ nhất số 554.01/2012/HĐTD-DN ngày 12-12-2012, Trần Minh T đã chỉ đạo lập phương án kinh doanh không bằng các lập các hợp đồng mua, bán hàng hóa đầu vào và đầu ra ký với Công ty H; cho đến Khế ước nhận nợ cuối cùng số 554.18/2013/HĐTD-DN ngày 10-7-2013, phương án kinh doanh bằng hợp đồng mua bán đầu vào với Công ty Cà phê Ea H' Nin và hợp đồng mua, bán đầu ra lập không với Công ty H cũng không được thực hiện. Các phương án kinh doanh mà V Nam Tây Nguyên cung cấp cho P Đắc Lắc để nhận nợ đều không có tính khả thi trong thực tế, không có hiệu quả kinh doanh và không đảm bảo được khả năng thanh toán nợ ngân hàng. Mặc dù biết trước việc sử dụng nguồn vốn vay lưu động không có hiệu quả, không bảo tồn và phát triển được vốn, nhưng Trần Minh T vẫn chỉ đạo Trần Anh D, Hoàng Công Đ, Nguyễn Như L lập nhiều hợp đồng mua, bán không với Công ty H, lập chứng từ không để được giải ngân vốn vay, không báo cáo tình hình sử dụng vốn vay cho Tổng Công ty theo quy định. Trong quá trình vay vốn, đã sử dụng vốn vay của các khế ước nhận nợ sau để trả nợ cho khế ước nhận nợ trước; sử dụng vốn vay để trả nợ hoạt động kinh doanh thua lỗ trước đó và sử dụng vào các hoạt động không đúng với các phương án kinh doanh khi nhận nợ. Trong đó Trần Minh T còn chỉ đạo Vũ Đức T1, Trần Anh D, Hoàng Công Đ sử dụng nguồn vốn của V Nam Tây Nguyên để thực hiện hợp đồng mua, bán của Công ty H, cụ thể: Ngày 25-02-2013, P Đắc Lắc giải ngân số tiền 3.290.000.000 đồng tại Khế ước nhận nợ số 554.09/2013/HĐTD-DN để V Nam Tây Nguyên mua cà phê của Công ty H theo Hợp đồng số 19-MCF/2013/NTN ngày 22-02-2013 như phương án kinh doanh khi nhận nợ; theo

Ủy nhiệm chi ngày 25-02-2013 của V Nam Tây Nguyên do Hoàng Công Đ lập và Trần Minh T ký, chuyển số tiền 3.290.000.000 đồng đã giải ngân vào Tài khoản số 5200201012860 của Công ty H; đến ngày 27-02-2013, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D và Hoàng Công Đ hợp thức hóa chứng từ, lập Lệnh chi đưa cho Nguyễn Như L ký chức danh Giám đốc Công ty H chuyển trả lại 2.347.000.000 đồng vào Tài khoản số 5200201008760 của V Nam Tây Nguyên với nội dung “*Chuyển trả lại tiền do không thực hiện HĐ*”; lập Lệnh chi Công ty H chuyển số tiền 942.727.789 đồng (trong số tiền 943.000.000 đồng còn lại do P Đắc Lắc giải ngân) cho Doanh nghiệp tư nhân Sáu Đào, địa chỉ tại xã Ia GLai, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, để mua 51.973 kg cà phê theo Hợp đồng gửi kho số 01-MNT/HTDL/2012 ngày 28-11-2012 do Trần Minh T chỉ đạo Vũ Đức T1 thực hiện. Đến ngày 12-3-2013, Trần Minh T chỉ đạo hợp thức hóa chứng từ để Công ty H chuyển trả lại số tiền 943.000.000 đồng từ Tài khoản số 19026599207015 đến Tài khoản số 5200201008760 của V Nam Tây Nguyên với nội dung “*Chuyển trả lại tiền do không thực hiện hợp đồng*”. Từ việc báo cáo không trung thực tình hình tài chính năm 2012 (giấu lỗ) dẫn đến không bảo tồn được vốn vay tại các khế ước nhận nợ, càng kinh doanh V Nam Tây Nguyên càng mất vốn, dẫn đến đầu tháng 5-2013, Trần Minh T tổ chức họp cán bộ chủ chốt gồm Trần Minh T, Phan Thanh L, Trần Anh D, Vũ Đức T1 thống nhất bán cà phê không lập hóa đơn, thu tiền mặt để sử dụng một phần trả nợ ngân hàng. Trong đó bán số lượng 800.000kg cà phê nhân xô cho Hộ Kinh doanh Trần Đăng T không xuất hóa đơn GTGT mà hợp thức hóa xuất kho gửi hàng cho Công ty H theo các Hợp đồng gửi kho; Trần Minh T giao Phan Thị N thu tiền mặt từ ông Trần Đăng T và hợp thức hóa bằng các phiếu thu tiền ứng cà phê gửi kho từ Nguyễn Như L - Giám đốc Công ty H và hợp thức hóa phiếu chi “*Chi tiền mặt nộp vào Ngân hàng P*” rồi dùng số tiền 18.480.850.000 đồng nộp tiền vào tài khoản của V Nam Tây Nguyên tại P Đắc Lắc để hạch toán trả nợ gốc và nợ lãi theo các Khế ước nhận nợ số 554.07, 554.08, 554.09, 554.13, 554.14, 554.15 để P Đắc Lắc giải chấp cà phê, xuất kho giao cho ông Trần Đăng T. Ngoài ra, trong quá trình vay vốn, để giảm áp lực trả lãi vay (vay bằng USD lãi suất thấp hơn vay tiền Việt Nam Đồng), thì Trần Minh T còn chỉ đạo Trần Anh D lập phương án vay tiền USD với mục đích bổ sung vốn kinh doanh, thực hiện mua, bán cà phê xuất khẩu theo các giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cầm cố và Khế ước nhận nợ số 02/2013/DN ngày 22-3-2013, số 03/2013/DN ngày 11-4-2013, số 04/972091/2013/DN ngày 15-5-2013, số 05/972091/2013/DN ngày 16-5-2013, vay với tổng số 950.045 USD. Tuy nhiên, sau khi P Đắc Lắc giải ngân bằng đồng USD thì Trần Minh T chỉ đạo hạch toán bán lại số lượng đồng USD đã vay cho P Đắc Lắc thành tiền Việt Nam đồng, hạch toán chuyển từ tài khoản thanh toán sang tiền gửi có kỳ hạn, rồi lập hợp đồng cầm cố tiền gửi cho P Đắc Lắc để tiếp tục nhận nợ bằng USD hoặc bán tiền USD để hạch toán trả nợ gốc và nợ lãi tại các khế ước nhận nợ bằng tiền Việt Nam Đồng mà không thực hiện việc mua cà phê để kinh doanh xuất khẩu như phương án kinh doanh. Trong quá trình vay vốn, V Nam Tây Nguyên đã hạch toán bán 1.866.000 USD cho P Đắc Lắc và dùng hầu hết vào việc trả nợ gốc và nợ lãi cho các khế ước nhận nợ; V Nam Tây Nguyên phải trả lãi cho số tiền vay 950.045 USD là 384.390.687 đồng.

Mặc dù, biết trước mất khả năng thanh toán trả nợ cho P Đắc Lắc nhưng Trần Minh T vẫn tiếp tục chỉ đạo Trần Anh D lập các phương án kinh doanh không để cung cấp cho Ngân hàng, vay vốn theo các khế ước nhận nợ tiếp theo, trong đó thế chấp Quyền sử dụng đất, máy móc và hàng hóa là cà phê để nhận nợ tiếp số tiền 5.400.000.000 đồng tại Khế ước nhận nợ số 554.18/2013/ HĐTD-DN ngày 10-7-2013, cụ thể: Ngày 11-7-2013, P Đắc Lắc giải ngân số tiền 5.400.000.000 đồng vào Tài khoản số 001810000168003 của V Nam Tây Nguyên; Theo Ủy nhiệm chi ngày 11-7-2013 của V Nam Tây Nguyên chuyển 5.400.000.000 đồng đã giải ngân vào Tài khoản số 102010000609652 của Công ty Cà phê EH tại Ngân hàng Công Thương Đắc Lắc để thực hiện việc mua hàng theo Hợp đồng mua, bán đầu vào tại phương án kinh doanh; sau khi chuyển tiền thì lấy lý do không thực hiện được hợp đồng, ngày 12-7-2013 Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D lập giấy đề nghị Công ty EH chuyển trả lại số tiền 5.400.000.000 đồng với lý do “*Chuyển trả lại tiền do không thực hiện HĐ*”, Trần Minh T đã chỉ đạo dùng số tiền 5.400.000.000 đồng để trả nợ cho V Nam Tây Nguyên mà không thực hiện mua cà phê để bán cho Công ty H theo phương án kinh doanh khi nhận nợ. Tổng Công ty Cà phê V đã phát hiện việc báo cáo tài chính không trung thực, giấu lỗ và mất khả năng thanh toán trả nợ của V Nam Tây Nguyên nên đã có Công văn số 718/TGD-TCT ngày 23-8-2013 về việc tạm ngưng hoạt động kinh doanh đối với V Nam Tây Nguyên và tiến hành thanh tra làm rõ các sai phạm; ngày 07/10/2013 đến hạn trả nợ số tiền 5.400.000.000 đồng tại Khế ước nhận nợ số 554.18/2013/HĐTD-DN thì V Nam Tây Nguyên thông báo cho P Đắc Lắc không có khả năng trả nợ đến hạn.

Sau khi có Kết luận thanh tra số 1045/TCT/PCTTr-KLTTr ngày 17-12-2013 của Đoàn Thanh tra đề nghị chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra để làm rõ vi phạm của Trần Minh T và những người có liên quan. Đến ngày 31-12-2013 Tổng Công ty Cà phê V đã chuyển số tiền 4.998.442.605 đồng vào Tài khoản số 001810000168003 của V Nam Tây Nguyên tại P Đắc Lắc để trả nợ thay cho V Nam Tây Nguyên; cùng ngày 31-12-2013, V Nam Tây Nguyên thanh toán số tiền gốc còn lại là 4.898.833.000 đồng và số tiền lãi 97.976.660 đồng cho P Đắc Lắc. Đến ngày 14-02-2014, tài sản đảm bảo (*Gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Thửa đất số 5293, Tờ bản đồ số 17, xã EZ, huyện C, tỉnh Đắc Lắc, giá trị: 6.403 triệu đồng; Dây chuyền chế biến cà phê tại kho Km 12, thửa đất số 5293, Tờ bản đồ số 17, xã EZ, huyện C, tỉnh Đắc Lắc, giá trị: 3.978 triệu đồng*) được P Đắc Lắc giải chấp và xuất tài sản trả lại cho V Nam Tây Nguyên.

Ngoài ra, để thực hiện các giao dịch chuyển tiền theo các hợp đồng mua, bán không với Công ty H; ngày 29-6-2012, Trần Minh T chỉ đạo Phan Thanh L, Trần Anh D, Hoàng Công Đ hợp thức hóa chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản số 23001010087789 của V Nam Tây Nguyên đến tài khoản số 23001010186918 của Công ty H với nội dung “*Thanh toán lệ phí chuyển khoản*”; ngày 21-10-2013, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D làm thủ tục tất toán đóng tài khoản số 23001010186918 của Công ty H và nhận lại số tiền 6.486.992 đồng (trong đó có số tiền 5.000.000 đồng này). Trần Anh D trình bày sau khi nhận số tiền này về thì Trần Minh T chỉ đạo dùng vào việc bù trừ vào các khoản chi trả tiền mặt cho việc thành lập và hoạt động của Công ty H trước đó; Trần Minh T khai do thời gian đã

lâu không nhớ được đã chỉ đạo sử dụng số tiền 5.000.000 đồng này cụ thể như thế nào.

Xuất phát từ các cuộc họp của cán bộ chủ chốt về chủ trương lập báo cáo tài chính giấu lỗ, thành lập Công ty H, ký các hợp đồng mua, bán khống cung cấp cho Ngân hàng để được giải ngân vốn vay; căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Phòng Kinh doanh và Phòng Kế toán mà Trần Minh T chỉ đạo phân công cho Vũ Đức T1, Trần Anh D, Hoàng Công Đ, Phan Thị N, Nguyễn Như L thực hiện các hành vi vi phạm trong quá trình huy động và sử dụng vốn vay dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho V Nam Tây Nguyên tổng số tiền **5.001.809.660 đồng** (gồm tổng số tiền gốc và lãi 4.996.809.660 đồng tại P Đắc Lắc do Tổng Công ty Cà phê V trả thay + 5.000.000 đồng chi phí khác).

Như vậy, Trần Minh T, Phan Thanh L, Vũ Đức T1, Trần Anh D, Hoàng Công Đ, Phan Thị N và Nguyễn Như L thực hiện các hành vi vi phạm trong quá trình huy động và sử dụng vốn vay dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho V Nam Tây Nguyên tổng số tiền **5.001.809.660 đồng**.

3. Hành vi cố ý báo cáo sai sự thật tình hình tài chính năm 2012 (giấu lỗ), cố ý làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của V Nam Tây Nguyên để lừa dối Tổng Công ty Cà phê V và chiếm dụng vốn của các đơn vị thành viên; làm trái quy định trong việc thực hiện chủ trương tập trung sản phẩm phục vụ xuất khẩu năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Cà phê V; mất khả năng thanh toán nhưng vẫn làm giấy đề nghị ứng tiền mua hàng theo Hợp đồng và tự huy động vốn vay cá nhân sử dụng vào việc trả nợ, gây hậu quả thiệt hại cho V Nam Tây Nguyên 31.257.630.073 đồng:

Từ việc báo cáo sai sự thật tình hình tài chính năm 2012 (giấu lỗ) của V Nam Tây Nguyên, Tổng Công ty Cà phê V ban hành văn bản số 1061/TCT-KDXNK ngày 29-11-2012, Văn bản số 1083/TCT-TB ngày 06-12-2012, giao nhiệm vụ thu mua cà phê trong khoán theo chủ trương của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Cà phê V, nội dung: *Mục đích để hỗ trợ vốn cho nhu cầu kinh doanh xuất khẩu cà phê, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng kim ngạch năm 2013. Nhiệm vụ cà phê năm 2012-2013, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cà phê V tiếp tục thực hiện chủ trương tập trung sản phẩm trong khoán của toàn Tổng công ty để phục vụ công tác xuất khẩu... Về giá cả mua bán giữa hai khối sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu trong Tổng công ty phải được thỏa thuận theo giá thị trường thời điểm tốt nhất có thể được, bảo đảm hài hòa lợi ích.* Bảng phân công kèm theo văn bản số 1061/TCT-KDXNK, thể hiện: “*Chi nhánh Tổng công ty Cà phê V tại Đắc Lắc mua tại: - Công ty TNHH MTV Cà phê EH 218 tấn; - Công ty TNHH MTV Cà phê Ea K’ Tur 140 tấn; - Công ty TNHH MTV Cà phê T 270 tấn; - Công ty TNHH MTV Cà phê C 113 tấn; - Công ty TNHH MTV Cà phê E 796 tấn; - Công ty TNHH MTV Cà phê V 652 tấn; - Công ty TNHH MTV cà phê 721: 237 tấn...*”. Ngày 03-12-2012, Tổng Công ty ban hành quyết định 1014/TCT-KDXNK về việc tập trung sản lượng cà phê ngoài khoán để xuất khẩu, trong đó có phân công nhiệm vụ thu mua sản lượng cà phê ngoài khoán cho V Nam Tây nguyên để đảm bảo hiệu quả tốt nhất công tác kinh doanh xuất khẩu năm 2013. Đồng thời, giao

chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 tại Quyết định số 16/QĐ-TCT-KHĐT ngày 29-01-2013, V Nam Tây Nguyên phải xuất khẩu 5.000 tấn cà phê.

Trong quá trình tập trung cà phê niên vụ năm 2012-2013, Tổng Công ty Cà phê V còn ban hành Công văn số 1204/TCT-HĐTV ngày 27-12-2012 và Công văn số 153/TCT-TGĐ ngày 06-3-2013, Công văn số 215/TCTI-KDXNK ngày 27-3-2013 chỉ đạo các đơn vị thành viên tiếp tục thực hiện tập trung sản phẩm hoặc giao, bán chưa đủ số lượng phải tiếp tục giao ngay số lượng sản phẩm cà phê trong khoán và ngoài khoán niên vụ năm 2012-2013 cho các Chi nhánh Tổng Công ty để tập trung sản phẩm xuất khẩu; Trong đó tại Công văn số 1204/TCT-HĐTV ngày 27-12-2012 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Cà phê V chỉ đạo về công tác kinh doanh xuất khẩu: *“Cà phê trong khoán các đơn vị tập trung bán cho Tổng Công ty thông qua các Chi nhánh đã được chỉ định. Nếu các Chi nhánh không đủ tiền mua thì các đơn vị ủy thác xuất khẩu qua Tổng Công ty hoặc các Doanh nghiệp XK có kinh nghiệm, nhưng phải báo cáo Tổng Công ty; không được bán nội địa...”*. Nếu các đơn vị không thực hiện theo chỉ đạo, làm ảnh hưởng đến việc điều hành và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thì Giám đốc các đơn vị thành viên phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thành viên, Tổng giám đốc Công ty Cà phê V; Thực hiện chỉ đạo của Tổng công ty Cà phê V tại các văn bản trên, từ tháng 12-2012 đến tháng 5-2013, có 07 đơn vị thành viên đã giao nộp cà phê trong khoán và ngoài khoán cho V Nam Tây Nguyên bằng hình thức ký các hợp đồng gửi kho; thực hiện việc gửi tổng cộng 2.273.623 kg cà phê tại kho của V Nam Tây Nguyên để chốt giá mua, bán theo giá thị trường tại thời điểm tốt nhất.

- Từ tháng 12-2012 đến tháng 3-2013, Công ty TNHH MTV cà phê V (Công ty V) đã gửi kho số lượng 793.129 kg cà phê nhân xô cho V Nam Tây Nguyên; từ tháng 02-2013 đến tháng 8-2013, Công ty V đã lập biên bản chốt giá và xuất hóa đơn GTGT bán số lượng 793.1295 kg cà phê nhân, thành tiền 32.568.294.600 đồng. Từ ngày 18-02-2013 đến ngày 05-9-2013, V Nam Tây Nguyên đã thanh toán cho Công ty V số tiền 20.386.663.635 đồng, mất khả năng thanh toán số tiền **12.181.816.000 đồng**.

- Từ tháng 01-2013 đến tháng 5-2013, Công ty TNHH MTV cà phê E (Công ty E) đã gửi kho số lượng 606.502 kg cà phê nhân xô cho V Nam Tây Nguyên; từ tháng 01-2013 đến tháng 7-2013, Công ty E đã lập các biên bản chốt giá và xuất hóa đơn GTGT bán số lượng 606.502 kg cà phê nhân xô, thành tiền 25.389.001.551 đồng. Từ ngày 31-01-2013 đến ngày 05-9-2013, V Nam Tây Nguyên đã thanh toán cho Công ty E số tiền 21.664.481.645 đồng, mất khả năng thanh toán số tiền **3.724.519.906 đồng**.

- Từ tháng 12-2012 đến tháng 4-2013 Công ty TNHH MTV cà phê T (Công ty T) đã gửi kho số lượng 262.508 kg cà phê nhân xô cho V Nam Tây Nguyên; ngày 25-6-2013, Công ty T đã lập các biên bản chốt giá và xuất hóa đơn GTGT bán số lượng 262.508 kg cà phê nhân xô, thành tiền là 9.951.297.600 đồng. Từ ngày 01-7-2013 đến ngày 05-9-2013, V Nam Tây Nguyên đã thanh toán cho Công ty T số tiền 6.826.297.600 đồng, mất khả năng thanh toán số tiền **3.125.000.000 đồng**.

- Từ tháng 01 đến tháng 5-2013 Công ty TNHH MTV cà phê C (Công ty C) đã gửi kho số lượng 154.972 kg cà phê nhân xô cho V Nam Tây Nguyên; ngày 12-8-2013, Công ty C đã lập biên bản chốt giá và xuất 03 hóa đơn GTGT bán số lượng 154.972 kg cà phê nhân xô, giá 41.000 đồng/kg, thành tiền 6.447.186.040 đồng. Thời điểm Công ty C chốt giá bán thì V Nam Tây Nguyên đã bán hết cà phê gửi kho và chỉ thanh toán được số tiền 2.151.000.000 đồng, mất khả năng thanh toán số tiền **4.296.186.040 đồng**.

- Từ tháng 12-2012 Công ty TNHH MTV cà phê EZ (Công ty EZ) đã gửi kho số lượng 124.478 kg cà phê nhân xô cho V Nam Tây Nguyên; ngày 25-6-2013, Công ty EZ đã lập các biên bản chốt giá và xuất hóa đơn GTGT bán số lượng 230.409 kg cà phê nhân xô (trong đó có số lượng 105.931 kg cà phê của năm trước), thành tiền 9.886.578.072 đồng. Từ ngày 09-5-2013 đến ngày 05-9-2013, V Nam Tây Nguyên đã thanh toán cho Công ty EZ số tiền 8.968.191.781 đồng, mất khả năng thanh toán số tiền **918.386.291 đồng** theo 02 biên bản chốt giá của Hợp đồng gửi kho số 43/HĐGK/2012 ngày 28-12-2012.

- Tháng 01-2013, Công ty TNHH MTV cà phê EH (Công ty EH) đã gửi kho số lượng 134.741 kg cà phê nhân xô cho V Nam Tây Nguyên; từ tháng 01-2013 đến tháng 4-2013, Công ty EH đã lập các biên bản chốt giá và xuất hóa đơn GTGT bán số lượng 134.741 kg cà phê nhân xô, thành tiền 5.607.524.500 đồng. Từ tháng 01-2013 đến tháng 4-2013, V Nam Tây Nguyên đã thanh toán cho Công ty EH hết số tiền 5.607.524.500 đồng.

- Tháng 01-2013 Công ty TNHH MTV cà phê 721 (Công ty 721) đã gửi kho số lượng 91.299 kg cà phê nhân xô cho V Nam Tây Nguyên; tháng 3-2013, Công ty 721 đã lập các biên bản chốt giá và xuất hóa đơn GTGT bán số lượng 91.299 kg cà phê nhân xô, thành tiền 4.274.386.935 đồng. V Nam Tây Nguyên đã thanh toán cho Công ty EH hết số tiền 4.274.386.935 đồng;

Lý do, V Nam Tây Nguyên mất khả năng thanh toán tổng số tiền nợ gốc 24.245.908.237 đồng cho các Công ty V, E, T, C và EZ là vì: Báo cáo tài chính năm 2012 giấu lố dối với Tổng Công ty nên khi giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2013, Tổng Công ty giao, trong đó có kế hoạch xuất khẩu 5.000 tấn cà phê thì V Nam Tây Nguyên không đảm bảo năng lực tài chính để thực hiện. Sau khi nhận cà phê gửi kho của các đơn vị thành viên, mặc dù không đủ tiền mua hàng nhưng không thực hiện báo cáo Tổng Công ty để ủy thác xuất khẩu qua Tổng Công ty hoặc các Doanh nghiệp xuất khẩu khác như chỉ đạo của Hội đồng thành viên. Trần Minh T không tập trung 100% sản lượng vào việc chế biến để phục vụ xuất khẩu theo chủ trương chỉ đạo của Hội đồng thành viên Tổng Công ty mà sử dụng số lượng 1.175.459 kg cà phê của 07 đơn vị gửi kho, thế chấp cho P Đắc Lắc để vay vốn. Sau đó, đến đầu tháng 5-2013 hầu hết các phương án kinh doanh khi nhận nợ tại P Đắc Lắc không thực hiện được, không bảo tồn và phát triển được nguồn vốn lưu động, kinh doanh ngày càng thua lỗ, Trần Minh T tổ chức họp cán bộ chủ chốt gồm Trần Minh T, Phan Thanh L, Trần Anh D, Vũ Đức T1 thống nhất không thực hiện sản xuất xuất khẩu mà bán cà phê nội địa, không hóa đơn, thu tiền mặt và hợp thức hóa bằng cách xuất kho ghi nhận hàng gửi và ứng tiền, trong đó có bán số lượng 800.000 kg cà phê cho hộ kinh doanh Trần Đăng T không xuất hóa đơn giá

trị gia tăng, thu tiền mặt hạch toán trả nợ gốc, nợ lãi cho P Đắc Lắc và chiếm dụng 6.800.000.000 đồng nộp vào tài khoản 194.26599207.01.3 của Công ty H tại Ngân hàng Kỹ Thương để Trần Minh T thực hiện việc mua, bán cà phê trên sàn giao dịch như đã phân tích ở nội dung trên. Đến tháng 8-2013, Tổng Công ty Cà phê V phát hiện ra tình hình kinh doanh thua lỗ (giấu lỗ), mất cân đối tài chính, mất khả năng thanh toán của V Nam Tây Nguyên nên tiến hành lập Biên bản kiểm tra xác nhận số liệu tài chính, công nợ tới ngày 10-8-2013 và ban hành Công văn số 718/TGD-TCT ngày 23-8-2013 về việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh đối với V Nam Tây Nguyên. Thời điểm này, các đơn vị thành viên mới phát hiện ra số lượng cà phê gửi kho còn lại cho V Nam Tây Nguyên chưa chốt giá bán đã bị V Nam Tây Nguyên bán nội địa, mất khả năng thanh toán; đồng thời, ngày 25-8-2013, Tổng Công ty Cà phê V có biên bản làm việc với các đơn vị về việc giải quyết công nợ tại V Nam Tây Nguyên, theo thống nhất: V Nam Tây Nguyên còn số lượng 160 tấn cà phê hàng tồn kho, giải chấp bán ngay trước ngày 05-9-2013 để trả nợ cho các đơn vị theo tỷ lệ nợ.

Ngoài ra, trong năm 2013 mặc dù kinh doanh thua lỗ vì để có tiền trả nợ Ngân hàng và trả nợ cà phê gửi kho Trần Minh T đã chiếm dụng số tiền 7.000.000.000 đồng của Công ty cà phê C cho ứng trước tiền mua cà phê để thực hiện các hợp đồng mua, bán: số 50-BCF/2013/NTN ngày 07/5/2013, số 51-BCF/2013/NTN ngày 13-5-2013, dẫn đến mất khả năng thanh toán, cụ thể:

Ngày 07-5-2013, V Nam Tây Nguyên và Công ty cà phê C ký hợp đồng mua, bán số 50-BCF/2013/NTN, nội dung: *V Nam Tây Nguyên bán số lượng 145.000 kg cà phê nhân xô, giá tạm tính 40.000 đồng/kg, tổng giá trị 6.090.000.000 đồng; Thời gian giao hàng chậm nhất vào ngày 07-12-2013; phương thức thanh toán bên Công ty C thanh toán 70% tiền hàng của Hợp đồng cho V Nam Tây Nguyên với số tiền 4.100.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm.* Sau khi ký hợp đồng mua, bán thì V Nam Tây Nguyên có giấy đề nghị Công ty cà phê C chuyển thanh toán tiền ứng trước mua cà phê là 4.100.000.000 đồng. Ngày 07-5-2013, Công ty cà phê C chuyển 1.100.000.000 đồng nội dung “Mua hàng theo HĐ50-BCF/2013/NTN” vào tài khoản 102010000885777 của V Nam Tây Nguyên. Sau khi nhận được số tiền này, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D hạch toán chuyển trả tiền mua cà phê gửi kho cho Công ty Cà phê EH theo Biên bản chốt giá số 45/MCF/2013, Hợp đồng số 06/HĐNT (thanh toán mua cà phê gửi kho theo chỉ đạo tập trung sản lượng của Tổng Công ty). Ngày 07-5-2013, Công ty Cà phê C tiếp tục chuyển 3.000.000.000 đồng tiền mua hàng theo HĐ 50-BCF/2013/NTN vào tài khoản 5200201008760 của V Nam Tây Nguyên. Sau khi nhận được số tiền này, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D hạch toán trả nợ, trong đó có trả nợ số tiền 2.250.000.000 đồng mua mì lát cho Công ty V.

Ngày 12-5-2013, V Nam Tây Nguyên và Công ty cà phê C ký hợp đồng mua, bán số 51-BCF/2013/NTN, nội dung: *V Nam Tây Nguyên bán số lượng 100.000 kg cà phê nhân xô, giá tạm tính 40.000 đồng/kg, tổng giá trị 4.200.000.000 đồng; Thời gian giao hàng chậm nhất vào ngày 13-11-2013; phương thức thanh toán bên Công ty C thanh toán 70% tiền hàng của Hợp đồng cho V Nam Tây Nguyên với số tiền 2.900.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm.* Sau khi ký hợp đồng mua, bán thì V Nam Tây Nguyên có giấy đề nghị Công ty cà phê C chuyển thanh toán tiền ứng trước

mua cà phê là 2.900.000.000 đồng. Ngày 14-5-2013, Công ty cà phê C chuyển 2.860.000.000 đồng và 40.000.000 đồng nội dung “Mua hàng theo HĐ51-BCF/2013/NTN” vào số tài khoản 102010000885777 và 5200201008760 của V Nam Tây Nguyên. Sau khi nhận được số tiền này, Trần Minh T chỉ đạo Trần Anh D chuyển số tiền này đến tài khoản 5200201008760 của V Nam Tây Nguyên; Sau đó hạch toán dùng vào việc trả nợ tiền vay 3.000.000.000 đồng tại Agribank Đắk Lắk theo giấy nhận nợ 5200LDS201302979.

Năm 2013, Trần Minh T còn thống nhất với cán bộ chủ chốt về việc V Nam Tây Nguyên vay tiền 2.550.000.000 đồng của 02 cá nhân, không có phương án vay vốn, không có chủ trương của Tổng Công ty phê duyệt, cụ thể: Vay của ông Nguyễn Trung C (số tiền 1.900.000.000 đồng, theo Hợp đồng kinh tế số 01-TV/2013/NTN ngày 23-01-2013) rồi dùng vào việc trả nợ gốc và nợ lãi 8.010.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ 5200LDS2012117 tại Ngân hàng Agribank Đắk Lắk; vay của ông Phạm Việt Hoàn (số tiền 650.000.000 đồng, theo Hợp đồng kinh tế số 02-TV/2013/NTN ngày 26-6-2013) rồi dùng vào việc thanh toán tiền mua cà phê tại Phiếu chi số PC13/254 ngày 26-6-2013 (thanh toán cho Công ty TNHH MTV E đối với cà phê gửi kho bán cho V Nam Tây Nguyên theo chỉ đạo của Tổng Công ty để phục vụ xuất khẩu). V Nam Tây Nguyên đã chi số tiền 11.723.836 đồng để trả tiền lãi suất huy động vốn vay cá nhân của ông Nguyễn Trung C và Phạm Việt Hoàn.

Như vậy, hành vi của Trần Minh T, Phan Thanh L, Vũ Đức T1, Trần Anh D, đã gây ra hậu quả thiệt hại tổng số tiền **31.257.630.073 đồng** (trong đó: thiệt hại 24.245.906.237 đồng do bán trước cà phê gửi kho của 05 đơn vị thành viên Tổng Công ty Cà phê V; 7.000.000.000 đồng ứng trước tiền mua hàng của Công ty Cà phê C để trả nợ; 11.723.836 đồng trả tiền lãi suất tự huy động vốn vay cá nhân). Ngày 24-6-2015, Tổng Công ty Cà phê V ra Quyết định số 211-TCT/QĐ điều chuyển tài sản Nhà máy chế biến hạt Điều với giá trị 2.173.184.206 đồng cho Công ty Cà phê C để bù trừ công nợ cho V Nam Tây Nguyên.

Đối với Hoàng Công Đ, Phan Thị N, Nguyễn Như L không được tham gia các cuộc họp của cán bộ chủ chốt; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, không có căn cứ xác định Hoàng Công Đ, Phan Thị N, Nguyễn Như L biết được các quy định về việc tập trung sản lượng xuất khẩu năm 2013 theo chỉ đạo của Tổng Công ty Cà phê V, các chủ trương kinh doanh của Trần Minh T, việc chiếm dụng tiền hàng của Công ty C và tự huy động vốn vay cá nhân. Do đó, Hoàng Công Đ, Phan Thị N, Nguyễn Như L không đồng phạm với Trần Minh T, Phan Thanh L, Vũ Đức T1, Trần Anh D về hành vi vi phạm gây thiệt hại tổng số tiền **31.257.632.073 đồng**.

4. Hành vi mua tài sản xe ô tô; tự ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng, không có ủy quyền và phê duyệt, đồng ý của Tổng Công ty Cà phê V, gây thiệt hại 173.416.667 đồng.

Cuối năm 2011, thông qua giới thiệu của Công ty TNHH Ngọc D tại Đắk Lắk, Trần Minh T đã thỏa thuận mua 01 chiếc xe ô tô tải (Nhãn hiệu HYUNDAI LIBERO, số khung KMFYKS7JP7U083404, số máy: D4CB6127090) của Công ty TNHH Một thành viên C (Địa chỉ: tỉnh B Dương) với giá 343.840.000 đồng, không

xin chủ trương và sự phê duyệt của Tổng Công ty Cà phê V. Hình thức thanh toán như sau: Ngày 28-11-2011, Trần Minh T chỉ đạo lập Ủy nhiệm chi chuyển 170.000.000 đồng từ tài khoản số 52002010008760 của V Nam Tây Nguyên cho Công ty TNHH MTV C; chỉ đạo ông Phan Thanh L (thời điểm này là Kế toán trưởng của V Nam Tây Nguyên), Vũ Đức T1 tạm ứng 200.000.000 đồng theo Phiếu chi số PC462 ngày 28-12-2011 với nội dung “*Tạm ứng tiền vận chuyển*”, sau đó chỉ đạo Vũ Đức T1 đến Công ty TNHH Ngọc D thanh toán tiền mua xe thể hiện tại Phiếu thu số 43/PT ngày 28-11-2011 số tiền 168.000.000 đồng, nội dung “*T² bán xe Libero, số SK 83404*” và Phiếu thu số 24/PT ngày 03-01-2012 số tiền 5.840.000 đồng, nội dung “*T^B xe +ĐKý xe*”. Tuy nhiên, theo thỏa thuận, ngày 28-12-2011, Công ty TNHH MTV C xuất Hóa đơn GTGT số 0000015 cho V Nam Tây Nguyên thể hiện: Giá trị tiền hàng 154.545.455 đồng, thuế GTGT 15.454.545 đồng, tổng cộng thanh toán 170.000.000 đồng. V Nam Tây Nguyên thực hiện thủ tục đăng ký biển số 47C-021.55 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk và hạch toán tài sản cố định xe ô tô trị giá 170.000.000 đồng theo hóa đơn GTGT. Do đó, số tiền 168.000.000 đồng mà Vũ Đức T1 thanh toán bằng tiền mặt tại Phiếu thu số 43/PT ngày 28-11-2011 cho Công ty TNHH Ngọc D không được hạch toán vào giá trị mua xe; việc chi tiền không đúng mục đích khi tạm ứng (“*Tạm ứng tiền vận chuyển*”) nên không thực hiện được thủ tục hoàn ứng, số tiền này đến nay V Nam Tây Nguyên vẫn treo công nợ cho Vũ Đức T1. Ngày 18-01-2018, ông Lê Vũ Long - Giám đốc V Nam Tây Nguyên đã thanh lý và lập Hợp đồng bán chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI LIBERO biển số 47C-021.55 cho ông Nguyễn Văn C với giá 70.000.000 đồng (theo Biên bản thanh lý lập ngày 18-01-2018, sau khi trừ giá trị hao mòn tính đến thời điểm 31-12-2017, giá trị còn lại của tài sản cố định là 64.083.067 đồng).

Ngoài ra, ngày 14-3-2012, Trần Minh T đại diện V Nam Tây Nguyên ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/14/03/12/HĐTD với Ngân hàng H vay 5.000.000.000 đồng, mục đích nhận cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động thu mua cà phê, nông sản; tài sản cầm cố: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 08/2012/MSB-DLK ngày 16-02-2012. Ngày 14-3-2012, Ngân hàng H đã giải ngân số tiền 5.000.000.000 đồng cho V Nam Tây Nguyên vay theo Khế ước nhận nợ số 01/14/03/KUN; thời hạn vay 03 ngày; lãi suất vay 19,5%/năm; Trần Minh T chỉ đạo sử dụng tiền vay để trả tiền theo các Hợp đồng mua, bán. Ngày 16-3-2012, V Nam Tây Nguyên đã thanh toán cho Ngân hàng Hàng Hải số tiền vay gốc 5.000.000.000 đồng và số tiền lãi 5.416.667 đồng. Việc huy động vốn vay tại Ngân hàng không có ủy quyền của Tổng Công ty Cà phê V đã vi phạm Quy định số 375/TCT-HĐTV/QĐ ngày 17-5-2011 về quy chế quản lý tài chính và kinh doanh, do đó Trần Minh T và ông Phan Thanh L (phụ trách Phòng Kế toán thời điểm này) phải chịu trách nhiệm về khoản tiền thiệt hại 5.416.667 đồng dùng để trả lãi vay ngân hàng.

Như vậy, hành vi của Trần Minh T trong việc mua tài sản xe ô tô, ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng không có ủy quyền và phê duyệt của Tổng Công ty Cà phê V gây thiệt hại số tiền **173.416.667 đồng** (168.000.000 đồng + 5.416.667 đồng).

Tổng số tiền thiệt hại do Trần Minh T gây ra là **39.442.830.453 đồng** (3.009.974.053 + 5.001.809.660 + 31.257.630.073 + 173.416.667).

Trần Anh D và Vũ Đức T1 chịu trách nhiệm về thiệt hại tổng số tiền **39.269.413.786** đồng (3.009.974.053 + 5.001.809.660 + 31.257.630.073).

Hoàng Công Đ, Phan Thị N và Nguyễn Như L chịu trách nhiệm về hại tổng số tiền **8.011.783.713** đồng (3.009.974.053 + 5.001.809.660).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 23-02-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trần Minh T 10 (mười)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11-11-2021.

1.2. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Vũ Đức T1 05 (năm)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-11-2021 đến ngày 26-01-2022).

1.3. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trần Anh D 05 (năm)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-11-2021 đến ngày 25-02-2022).

1.4. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Hoàng Công Đ 03 (ba)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-11-2021 đến ngày 16-11-2022).

1.5. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Phan Thị N 03 (ba)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-11-2021 đến ngày 11-11-2022).

1.6. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Như L 03 (ba)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự:

2.1. Buộc Trần Minh T phải bồi thường tổng số tiền 25.509.328.000 đồng, cụ thể:

- Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V 3.334.540.000 đồng.
- Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 1.344.183.000 đồng (được trừ 100.000.000 đồng đã nộp ngày 26-8-2021, còn phải bồi thường 1.244.183.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê V 8.121.211.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê E 2.483.013.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê T 2.083.333.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê EZ 612.258.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê C 7.530.791.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ 30.000.000 đồng (do bà Nguyễn Thị D nộp thay cho Trần Minh T) theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006649 ngày 20-02-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk để bảo đảm thi hành án.

2.2. Buộc Vũ Đức T1 và Trần Anh D, mỗi bị cáo phải bồi thường 5.659.354.000 đồng, cụ thể:

2.2.1. Đối với Vũ Đức T1:

- Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V 333.454.000.
- Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 118.249.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê V 2.030.303.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê T 520.833.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê E 620.753.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê EZ 153.064.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê C 1.882.698.000 đồng.

2.2.2. Đối với Trần Anh D:

- Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V là 333.454.000 đồng.
- Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 118.249.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê V 2.030.303.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê T 520.833.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê E 620.753.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê EZ 153.064.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty Cà phê C 1.882.698.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ 10.000.000 đồng (do bà Nguyễn Thị Nga nộp thay Vũ Đức T1) theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006643 ngày 16-02-2023 và 10.000.000 đồng (do bà Trần Thị Ngọc Lan nộp thay Trần Anh D) theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006644 ngày 17-02-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk để bảo đảm thi hành án.

2.3. Buộc Hoàng Công Đ, Phan Thị N và Nguyễn Như L, mỗi bị cáo phải bồi thường 449.749.000 đồng, cụ thể:

2.3.1. Đối với Hoàng Công Đ:

- Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V 333.454.000 đồng.
- Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 116.295.000 đồng.

2.3.2. Đối với Phan Thị N:

- Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V 333.454.000 đồng.
- Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 116.295.000 đồng.

2.3.3. Đối với Nguyễn Như L:

- Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V 333.454.000 đồng.
- Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 116.295.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ 30.000.000 đồng, do Hoàng Công Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006645 ngày 20-02-2023; số tiền 10.000.000 đồng (do ông Nguyễn Văn C nộp thay Phan Thị N) theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006650 ngày 20-02-2023 và 10.000.000 đồng (do bà Phan Thị Quý nộp thay Nguyễn Như L) theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006646 ngày 20-02-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk để bảo đảm thi hành án.

- Ngày 27-02-2023, Vũ Đức T1 kháng cáo xin giảm hình phạt và giảm tiền bồi thường thiệt hại.

- Ngày 28-02-2023, Trần Anh D kháng cáo xin giảm hình phạt và đề nghị không phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự.

- Ngày 02-3-2023, Nguyễn Như L kháng cáo xin giảm hình phạt và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

- Ngày 07-3-2023, Hoàng Công Đ kháng cáo xin giảm hình phạt và giảm tiền bồi thường thiệt hại.

- Ngày 06-3-2023, Phan Thị N kháng cáo đề nghị tuyên không phạm tội hoặc nếu phạm tội thì miễn hoặc giảm hình phạt và cho hưởng án treo; đồng thời, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

- Ngày 14-3-2023, Trần Minh T kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Từ ngày 27-02-2023 đến ngày 14-3-2023, các bị cáo Trần Minh T, Vũ Đức T1, Trần Anh D, Hoàng Công Đ, Phan Thị N và Nguyễn Như L kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà, Trần Minh T thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo xin giảm hình phạt; các bị cáo còn lại giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo Trần Minh T.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Vũ Đức T1, Trần Anh D, Hoàng Công Đ, Phan Thị N và Nguyễn Như L.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm về phần Trách nhiệm hình sự, giảm hình phạt cho các bị cáo Trần Minh T, Vũ Đức T1, Trần Anh D, Hoàng Công Đ, Phan Thị N và Nguyễn Như L; giữ nguyên phần Trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo phải bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V và Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên).

Luật sư bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo tranh tụng công khai; nói lời sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2013, Trần Minh T - Giám đốc Công ty V Nam Tây Nguyên cùng với Phan Thanh L - Phó Giám đốc, Vũ Đức T1 - Trưởng phòng Phòng Kinh doanh, Trần Anh D - Phụ trách Phòng Kế toán, Hoàng Công Đ - Kế toán, Phan Thị N - Thủ quỹ và Nguyễn Như L - Thủ kho đã có các hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước, vi phạm các quy định của Luật Kế toán năm 2003, Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước năm 2008, các văn bản hướng dẫn có liên quan, cũng như các văn bản chỉ đạo của Tổng Công ty Cà phê V gây hậu quả thiệt hại cho V Nam Tây Nguyên, trong đó: Trần Minh T gây thiệt hại **39.442.830.453** đồng, Trần Anh D và Vũ Đức T1 gây thiệt hại **39.269.413.786** đồng, Hoàng Công Đ, Phan Thị N và Nguyễn Như L gây thiệt hại **8.011.783.713** đồng.

Với các hành vi nêu trên, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết án Trần Minh T, Trần Anh D, Vũ Đức T1, Hoàng Công Đ, Phan Thị N và Nguyễn Như L về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

[2.2.1]. Về hình phạt chính:

Tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công, gây thiệt hại, thất thoát số tiền rất lớn, mà còn tạo dư luận xấu trong nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của các doanh nghiệp có vốn Nhà nước. Các bị cáo đều có đủ năng lực hành vi dân sự, biết và hiểu rõ các quy định của pháp luật, cũng như Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cà phê V; mặc dù, các bị cáo không có động cơ vụ lợi, nhưng để che giấu việc làm ăn thua lỗ của mình, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Đây là vụ án đồng phạm, nhưng hành vi do các bị cáo thực hiện có tính chất, mức độ khác nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét,

đánh giá vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để có mức hình phạt cụ thể.

- Đối với các bị cáo Trần Minh T và Hoàng Công Đ.

Trần Minh T là Giám đốc Công ty V Nam Tây Nguyên, là người chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty nhưng do năng lực hạn chế, nên có nhiều quyết định chủ quan dẫn đến việc kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ nặng nhưng không báo cáo trung thực với Tổng Công ty mà chỉ đạo cấp dưới thực hiện các hành vi gian dối nhằm che giấu, làm sai lệch tình hình tài chính của Công ty, tiếp tục thực hiện các hoạt động kinh doanh vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty gây thất thoát tài sản của Nhà nước là 39.442.830.453 đồng; Trần Anh D phụ trách Phòng Kế toán, là cấp dưới và chịu sự quản lý của Trần Minh T. Lẽ ra, khi được T chỉ đạo thực hiện hành vi, bị cáo có thể báo cáo lên Tổng Công ty hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết, nhằm ngăn chặn tội phạm, nhưng do nể nang, bị cáo đã thống nhất với Trần Minh T trong quá trình bàn bạc, đưa ra các quyết định vi phạm quy định pháp luật, triển khai, thực hiện ý kiến chỉ đạo của ban lãnh đạo công ty, thực hành tích cực trong việc lập khống các chứng từ, hóa đơn, hợp đồng mua bán hàng hoá, thực hiện giao dịch tại Ngân hàng, xuất phiếu chi khống tiền mặt để hợp thức hóa quỹ tiền mặt, gây thiệt hại số tiền lớn của Nhà nước; Hoàng Công Đ là Kế toán Công ty V Nam Tây Nguyên, là cấp dưới và chịu sự quản lý của Trần Minh T. Lẽ ra, khi được T chỉ đạo thực hiện hành vi, bị cáo có thể báo cáo lên Tổng Công ty hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết, nhằm ngăn chặn tội phạm, nhưng do nể nang, bị cáo lại trở thành người thực hành tích cực trong việc lập khống các chứng từ, hóa đơn, hợp đồng mua bán hàng hoá, thực hiện giao dịch tại Ngân hàng, xuất phiếu chi khống tiền mặt để hợp thức hóa quỹ tiền mặt, gây thiệt hại tổng số tiền 8.011.783.713 đồng; Với các hành vi như đã nêu, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Trần Minh T 10 (mười) năm tù, xử phạt Trần Anh D 05 (năm) năm tù và xử phạt Hoàng Công Đ 03 (ba) năm tù.

Trần Minh T kháng cáo đề nghị xem xét lại nội dung vụ án, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá tính chất và mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm Trần Minh T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện sự ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp 130.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; quá trình công tác có nhiều thành tích, được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng nhiều Bằng khen; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có bố là thương binh hạng 4/4, cả bố và mẹ đều được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, hạng nhì và Huân chương độc lập hạng ba; Trần Anh D và Hoàng Công Đ cũng thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả (Đ nộp 30.000.000 đồng, D nộp 10.000.000 đồng); gia đình bị cáo D có công với cách mạng; gia đình bị cáo Đ có hoàn cảnh khó khăn; các bị cáo (D, Đ) phạm tội do lệ thuộc vào cấp trên và cả ba bị cáo phạm tội không vì động cơ vụ lợi, mà chỉ muốn cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh đang thua lỗ của công ty; phạm tội một phần cũng do

nguyên nhân khách quan bởi yếu tố thị trường biến động về giá cả. Do các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Tòa án cấp phúc thẩm, do đó để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, các bị cáo đều không tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại, nên mức giảm sẽ thấp hơn các bị cáo khác. Đối với Hoàng Công Đ phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Đối với Vũ Đức T1, Nguyễn Như L và Phan Thị N:

Vũ Đức T1 là Trưởng phòng Kinh doanh, Nguyễn Như L là Thủ kho Công ty V Nam Tây Nguyên, Phan Thị N là Thủ quỹ Công ty V Nam Tây Nguyên; các bị cáo đều là cấp dưới và chịu sự quản lý của Trần Minh T. Lẽ ra, khi được T chỉ đạo thực hiện hành vi, các bị cáo có thể báo cáo lên Tổng Công ty hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết, nhằm ngăn chặn tội phạm, nhưng do nể nang, các bị cáo cùng thống nhất với Trần Minh T trong quá trình bàn bạc, đưa ra các quyết định vi phạm quy định pháp luật, triển khai, thực hiện ý kiến chỉ đạo của ban lãnh đạo Công ty, thực hành tích cực trong việc lập khống các chứng từ, hóa đơn, hợp đồng mua bán hàng hoá, thực hiện giao dịch tại Ngân hàng, xuất phiếu chi khống tiền mặt để hợp thức hóa quỹ tiền mặt, gây thiệt hại số tiền lớn của Nhà nước. Với các hành vi như đã nêu, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Vũ Đức T1 05 (năm) tù; xử phạt Nguyễn Như L và Phan Thị N, mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù.

Các bị cáo kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cung cấp được tài liệu chứng minh đã nộp tiền khắc phục hậu quả; theo Án lệ số 48/2021/AL ngày 25-11-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra, các bị cáo phạm tội do lệ thuộc vào cấp trên; phạm tội một phần do nguyên nhân khách quan bởi yếu tố thị trường biến động về giá cả; phạm tội không vì động cơ vụ lợi; quá trình điều tra và xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi tội phạm bị phát hiện các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để khắc phục một phần hậu quả; quá trình công tác các bị cáo được tặng thưởng nhiều Giấy khen và Bằng khen; gia đình các bị cáo đều có công với cách mạng. Do các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Tòa án cấp phúc thẩm, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo. Trong vụ án này, Nguyễn Như L và Phan Thị N là người giúp việc, phạm tội theo sự chỉ đạo của Trần Minh T, các bị cáo đều phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[2.2.2]. Về trách nhiệm dân sự:

Ngoài kháng cáo xin giảm hình phạt, thì bị cáo Vũ Đức T1 còn đề nghị giảm tiền bồi thường thiệt hại; các bị cáo Trần Anh D Hoàng Công Đ, Phan Thị N

và Nguyễn Như L còn đề nghị không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, trong tổng số tiền thiệt hại đều có lỗi của các bị cáo, do đó để kịp thời thu hồi toàn bộ số tiền thiệt hại cho Nhà nước, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá vai trò và mức độ lỗi của từng bị cáo, từ đó buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tương xứng với lỗi do mình gây là đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của các bị cáo.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí:

- Các bị cáo đều được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo Trần Minh T.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Anh D, Vũ Đức T1, Hoàng Công Đ, Nguyễn Như L và Phan Thị N.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 23-02-2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trần Minh T, Trần Anh D, Vũ Đức T1, Hoàng Công Đ, Nguyễn Như L và Phan Thị N.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trần Minh T 09 (chín)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11-11-2021.

2.2. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trần Anh D 04 (năm)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-11-2021 đến ngày 25-02-2022).

2.3. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Vũ Đức T1 03 (ba)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-11-2021 đến ngày 26-01-2022).

2.4. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và

khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Hoàng Công Đ 02 (hai)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-11-2021 đến ngày 16-11-2022).

2.5. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Như L 01 (một)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.6. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Phan Thị N 01 (một)** năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật dân sự:

3.1. Buộc Trần Minh T phải bồi thường tổng số tiền **25.509.328.000 đồng** (hai mươi lăm tỷ năm trăm lẻ chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng), cụ thể:

- Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V 3.334.540.000 đồng (ba tỷ ba trăm ba mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 1.344.183.000 đồng (được trừ 100.000.000 đồng đã nộp ngày 26-8-2021); bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 1.244.183.000 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

- Bồi thường cho Công ty Cà phê V 8.121.211.000 đồng (tám tỷ một trăm hai mươi một triệu hai trăm mười một nghìn đồng).

- Bồi thường cho Công ty Cà phê E 2.483.013.000 đồng (hai tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu không trăm mười ba nghìn đồng).

- Bồi thường cho Công ty Cà phê T 2.083.333.000 đồng (hai tỷ không trăm tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Bồi thường cho Công ty Cà phê EZ 612.258.000 đồng (sáu trăm mười hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng).

- Bồi thường cho Công ty Cà phê C 7.530.791.000 đồng (bảy tỷ năm trăm ba mươi triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ 30.000.000 đồng (do bà Nguyễn Thị D nộp thay cho Trần Minh T) theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006649 ngày 20-02-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk để bảo đảm thi hành án.

3.2. Buộc Vũ Đức T1 và Trần Anh D, mỗi bị cáo phải bồi thường **5.659.354.000 đồng** (năm tỷ sáu trăm năm mươi chín triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng), cụ thể:

3.2.1. Đối với Vũ Đức T1:

- Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V 333.454.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn đồng).
- Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 118.249.000 đồng (một trăm mười tám triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng).
- Bồi thường cho Công ty Cà phê V 2.030.303.000 đồng (hai tỷ không trăm ba mươi triệu ba trăm lẻ ba nghìn đồng).
- Bồi thường cho Công ty Cà phê T 520.833.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).
- Bồi thường cho Công ty Cà phê E 620.753.000 đồng (sáu trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng).
- Bồi thường cho Công ty Cà phê EZ 153.064.000 đồng (một trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).
- Bồi thường cho Công ty Cà phê C 1.882.698.000 đồng (một tỷ tám trăm tám mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng).

3.2.2. Đối với Trần Anh D:

- Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V là 333.454.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng).
- Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 118.249.000 đồng (một trăm mười tám triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng).
- Bồi thường cho Công ty Cà phê V 2.030.303.000 đồng (hai tỷ không trăm ba mươi triệu ba trăm lẻ ba nghìn đồng).
- Bồi thường cho Công ty Cà phê T 520.833.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).
- Bồi thường cho Công ty Cà phê E 620.753.000 đồng (sáu trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng).
- Bồi thường cho Công ty Cà phê EZ 153.064.000 đồng (một trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng).
- Bồi thường cho Công ty Cà phê C 1.882.698.000 đồng (một tỷ tám trăm tám mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ 10.000.000 đồng (do bà Nguyễn Thị Nga nộp thay Vũ Đức T1) theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006643 ngày 16-02-2023 và 10.000.000 đồng (do bà Trần Thị Ngọc Lan nộp thay Trần Anh D) theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006644 ngày 17-02-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk để bảo đảm thi hành án.

3.2.3. Buộc Hoàng Công Đ, Phan Thị N và Nguyễn Như L, mỗi bị cáo phải bồi thường 449.749.000 đồng (bốn trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng), cụ thể:

- Đối với Hoàng Công Đ:

- + Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V 333.454.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn đồng).

+ Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 116.295.000 đồng (một trăm mười sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Đối với Phan Thị N:

+ Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V 333.454.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

+ Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 116.295.000 đồng (một trăm mười sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Đối với Nguyễn Như L:

+ Bồi thường cho Tổng Công ty Cà phê V 333.454.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

+ Bồi thường cho Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê V - Công ty TNHH MTV tại Đắk Lắk (V Nam Tây Nguyên) 116.295.000 đồng (một trăm mười sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ 30.000.000 đồng, do Hoàng Công Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006645 ngày 20-02-2023; số tiền 10.000.000 đồng (do ông Nguyễn Văn C nộp thay Phan Thị N) theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006650 ngày 20-02-2023 và 10.000.000 đồng (do bà Phan Thị Quý nộp thay Nguyễn Như L) theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006646 ngày 20-02-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk để bảo đảm thi hành án.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Trần Minh T, Trần Anh D, Vũ Đức T1, Hoàng Công Đ, Nguyễn Như L và Phan Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk (02 bản, để giao cho Trần Minh T 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo tại ngoại (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường